

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1. Những vấn đề chung về kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.1. Một số khái niệm chung

Doanh nghiệp thương mại: được thành lập hợp pháp để thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại, tổ chức lưu chuyển hàng hóa tại nơi sản xuất và bán hàng hóa tại nơi có nhu cầu nhằm thu lợi nhuận. DNTM phải đáp ứng đủ các điều kiện của pháp luật yêu cầu, kinh doanh những mặt hàng được phép lưu hành và không thuộc mặt hàng cấm. Một DNTM phải được tổ chức, đảm bảo yêu cầu về vốn, hình thức pháp lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh và tài sản của mình.

Bán hàng: là giai đoạn cuối của hoạt động kinh doanh. Là quá trình chuyển giao quyền sử dụng hàng hóa và dịch vụ với phần lớn lợi ích hoặc rủi ro của sản phẩm được chuyển giao cho khách hàng, đồng thời khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Doanh thu: là tổng lợi nhuận kinh tế mà doanh nghiệp nhận được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng: Bao gồm toàn bộ số tiền thu được từ việc buôn bán sản phẩm và cung cấp dịch vụ trong khoảng thời gian nhất định.

Giá vốn hàng bán: là toàn bộ chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm. Nó liên quan đến quá trình bán hàng bao gồm: giá vốn xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.1.2. Đặc điểm của quá trình bán hàng

Quy trình bán hàng ở các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thương mại nói riêng có những đặc điểm sau:

- Việc trao đổi, thỏa thuận được thực hiện giữa người mua và người bán, người mua thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán.
- Có sự thay đổi về quyền sở hữu sản phẩm, quyền sở hữu chuyển giao từ người bán sang người mua. Trong quá trình tiêu thụ hàng hóa doanh nghiệp cung cấp cho

khách hàng số lượng hàng hóa cho khách hàng và nhận lại được một khoản, được gọi là doanh thu bán hàng. Thu nhập này chính là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh của công ty.

1.1.3. Vai trò của quá trình bán hàng

Bán hàng là bước cuối cùng trong quy trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua việc bán hàng giá trị sản phẩm và giá trị sử dụng của sản phẩm được hiện thực hóa, xu hướng dịch chuyển vốn trong các doanh nghiệp là T-H-T. Khi kết thúc quá trình kinh doanh, doanh nghiệp nhận được vốn hoàn lại và tích lũy nguồn lực để phát triển kinh doanh.

Ngoài ra, hiệu suất bán hàng cũng là chỉ tiêu tài chính quan trọng thể hiện rõ ràng tình hình hoạt động kinh doanh và biến động tài chính của doanh nghiệp. Đảm bảo cho các đơn vị khác duy trì mối quan hệ thương mại với doanh nghiệp, góp phần mở rộng sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của xã hội, giữ vững cân đối Tiền-Hàng, ổn định kinh tế và phát triển.

1.1.4. Các phương thức bán hàng trong DNTM

Bán buôn

Đặc trưng của bán buôn là sản phẩm được bán ra với số lượng lớn trong phạm vi khu vực phân phối, những hàng hóa được bán nằm trong lĩnh vực lưu thông. Khi nghiệp vụ bán buôn diễn ra khi khách hàng đặt mua một số lượng lớn hàng, phòng kế toán tiến hành lập HĐ bán hàng đã bao gồm VAT, phiếu xuất kho,...

Trong hình thức bán buôn công ty sử dụng các hình thức sau:

- Bán buôn hàng qua kho: là phương thức bán hàng yêu cầu công ty bán hàng phải xuất thành phẩm đã bán ra.

Bán hàng qua kho được phân loại như sau:

- + Bán hàng qua kho theo phương thức vận chuyển trực tiếp
- + Bán hàng qua kho theo hình thức vận chuyển
- Bán buôn vận chuyển thẳng: là hình thức kinh doanh sau khi mua hàng, nhận hàng mua nhưng thay vì đem về nhập kho của công ty thì sản phẩm lại được vận chuyển ngay cho bên mua

Bán hàng không qua kho chia thành hai trường hợp:

- + Bán hàng trực tiếp không qua kho

- + Bán hàng theo hình thức giao hàng trực tiếp không qua kho

Bán lẻ

Hình thức bán nhỏ, lẻ được thực hiện trực tiếp tại kho của công ty đến tay người tiêu dùng cuối cùng bằng phương thức bán hàng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc với số lượng nhỏ, giá bán thường ổn định.

Công ty kinh doanh bán lẻ theo các hình thức sau:

- Bán lẻ thu tiền mặt tập trung
- Bán lẻ thu tiền trực tiếp
- Bán lẻ thu tiền tự động

1.1.5. Các phương thức thanh toán trong bán hàng

Thanh toán ngay (thanh toán trực tiếp): Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho doanh nghiệp ngay sau khi mua hàng

Thanh toán sau (trả chậm): Khách hàng thanh toán sau khi mua hàng thay vì thanh toán ngay. Việc thanh toán chậm có thể thực hiện theo các điều khoản tín dụng ưu đãi kèm theo, chẳng hạn như: chiết khấu cho khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc trước thời hạn tùy vào chính sách của doanh nghiệp.

1.1.6. Phương pháp tính giá trong doanh nghiệp thương mại

a. Tính giá lưu kho

- ❖ Đối với hàng hóa mua về lưu kho

$Giá\ lưu\ kho = Giá\ mua\ theo\ hóa\ đơn + Chi\ phí\ mua\ hàng - Các\ khoản\ giảm\ trừ\ (nếu\ có)$

Trong đó:

- Chi phí mua hàng có thể bao gồm phí vận chuyển, bốc xếp hàng, phí thuê kho, bảo hiểm, tổn thất trong quá trình vận chuyển và chi phí thuê kho, bãi.
- Chi phí bộ phận thu mua độc lập, chi phí xử lý trước khi lưu kho.
- Các khoản khấu trừ (nếu có) là các khoản khấu trừ xảy ra sau khi nhận hàng và phát sinh do việc giao hàng không tuân thủ các thông số kỹ thuật, thời hạn đã ký,...

- ❖ Đối với hàng hóa thuê gia công ngoài

$Giá\ nhập\ kho = giá\ thực\ tế\ xuất\ kho + chi\ phí\ khác\ (vận\ chuyển, bốc\ xếp, bảo\ hiểm,..)$

- ❖ Đối với hàng hóa do liên doanh hoặc cổ đông góp vốn

Giá nhập kho = giá được hội đồng liên doanh chấp nhận

b. phương pháp tính giá xuất kho

Giá trị hàng hóa thực tế xuất kho có thể được tính theo một số phương pháp:

❖ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Giá trị hàng hóa tồn kho được tính dựa trên giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, do đó giá trị hàng hóa xuất kho được tính dựa theo giá nhập kho lần trước rồi mới tính giá nhập kho lần sau.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp này tính trị giá hàng tồn kho bằng cách sử dụng trị giá trung bình của từng hàng tồn kho vào đầu kỳ và trị giá của từng mặt hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ.

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế hàng xuất kho} &= \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} + \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{Đơn giá bình quân (theo từng mặt hàng)} &= \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập kho}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}} \end{aligned}$$

- Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ trước
- Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho (cuối kỳ trước)}}{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho đầu kỳ (cuối kỳ trước)}}$$

❖ Phương pháp nhập trước – xuất trước

Trong phương pháp này khi tính giá thực tế mua hàng hóa nhập kho theo giá thuyết của lô hàng hóa nhập trước thì xuất trước, nhập sau thì xuất sau.

❖ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này hàng hóa, vật tư của lô hàng nào thì được tính dựa trên giá mua của lô hàng đó. Kế toán viên theo dõi chi tiết từng lô hàng, tuy nhiên nếu doanh nghiệp kinh doanh nhiều loại sản phẩm, hàng hóa sẽ tạo ra một khối lượng công việc lớn cho kế toán.

$$\text{Đơn giá bình quân (sau mỗi lần nhập)} = \frac{\text{Giá mua thực tế của hàng tồn kho trước khi nhập} + \text{Giá mua thực tế của hàng hóa nhập kho}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho trước khi nhập} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho}}$$

1.2. Nội dung công tác kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1. Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu là tổng lợi nhuận mà doanh nghiệp nhận được trong một chu kỳ kế toán, bao gồm việc bán hàng hóa, sản phẩm dịch vụ và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Doanh thu bán hàng = Số lượng hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ trong kỳ x Đơn giá

Doanh thu bán hàng được ghi nhận nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao một phần lợi ích và rủi ro của sản phẩm cho người mua
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý, kiểm soát hàng hóa, sản phẩm
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty nhận được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch với khách hàng
- Xác định được các chi phí liên quan đến quá trình hình thành doanh thu

1.2.2. Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Chứng từ sử dụng


- Hóa đơn đặt hàng/Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu

- Giấy báo có
- Chứng từ thanh toán
- Báo cáo bán hàng/Bảng kê bán lẻ
- Biên bản trả hàng,...

b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Có 6 tài khoản cấp 2
- + 5111: Doanh thu bán hàng
- + 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + 5117: Doanh thu kinh doanh và đầu tư bất động sản
- + 5118: Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm doanh thu từ việc bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Nợ	Tk 511	Có
- Các khoản giảm trừ doanh thu - Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XNK,...) - Kết chuyển doanh thu thuần sang Tk 911 để XĐKQKD		-Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán

- Tài khoản 521: Các khoản giảm trừ doanh thu.

Có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211: Chiết khấu thương mại
- + TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- + TK 5213: Giảm giá hàng bán


Tài khoản này dùng để phản ánh số tiền được trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong kỳ, bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Nợ	Tk 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chiết khấu thương mại mà công ty chấp nhận thanh toán cho khách hàng - Giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua - Số tiền đã trả cho người mua hoặc tính vào khoản phải thu khách hàng từ doanh thu bán hàng bị trả lại. 	<p>Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.</p>	

Các khoản giảm trừ doanh thu:

- Chiết khấu thương mại: là số tiền công ty bán hàng với giá chiết khấu nếu họ mua với số lượng nhiều.
- Giảm giá hàng bán: là khoản khấu trừ dành cho người mua do hàng hóa kém chất lượng, sai quy cách hoặc lỗi thời
- Giá trị hàng bán bị trả lại: là số lượng hàng bán ra được phân loại là đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và khoản thanh toán bị từ chối
- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Tài khoản này được dùng để xác định giá vốn của hàng hóa, sản phẩm được tiêu thụ trong kỳ. Tài khoản này có thể mở chi tiết theo từng sản phẩm, dịch vụ,.. tùy thuộc vào quy mô và nhu cầu của doanh nghiệp.

Nợ	Tk 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> -Giá vốn của mặt hàng đã xuất bán, gửi bán trong kỳ. -Số trích lập giảm giá hàng tồn kho 		<ul style="list-style-type: none"> -Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán -Trị giá vốn của hàng hóa xuất bán, gửi bán bị trả lại -Hoàn nhập dự phòng -Kết chuyển sang Tk 911

– Tài khoản 155: Thành phẩm

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện tại và những biến động của các loại thành phẩm của công ty.

Nợ	Tk 155	Có
<ul style="list-style-type: none"> -Trị giá thành phẩm nhập kho -Trị giá thành phẩm tồn kho 	<ul style="list-style-type: none"> -Giá trị thực tế của thành phẩm xuất kho -Giá trị thực tế của thành phẩm xuất bán bị trả lại -Giá trị thành phẩm thiếu hụt khi kiểm kê 	

– Tài khoản 156: Hàng hóa

Tài khoản được doanh nghiệp sử dụng để phản ánh sự thay đổi giá trị hiện tại và sự tăng, giảm của các loại hàng hóa bao gồm: Hàng hóa tại các kho hàng, cửa hàng, hàng hóa bất động sản

Nợ	Tk 156	Có
<ul style="list-style-type: none"> -Giá trị mua vào của hàng hóa -Chi phí thu mua -Trị giá hàng bán bị trả lại -Giá trị thặng dư tại kho,... 		<ul style="list-style-type: none"> -Số lượng hàng xuất kho bán -Số lượng thực tế của hàng hóa xuất bán bị trả lại -Trị giá hàng hóa thiếu khi kiểm kê,..

– Tk 157: Hàng gửi đi bán

Tài khoản này phản ánh giá trị của hàng hóa, thành phẩm đã giao cho khách hàng, đại lý hoặc ký gửi và đã hoàn thành giao cho khách hàng theo hợp đồng nhưng chưa xác định là đã bán được hay chưa (chưa được tính vào doanh thu bán hàng trong kỳ)

Nợ	Tk 157	Có
<ul style="list-style-type: none"> -Trị giá thành phẩm đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp nhưng chưa được xác định vào doanh thu đã bán trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> -Trị giá thành phẩm gửi đi bán được xác định là đã bán. -Trị giá hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã gửi đi bị khách hàng trả lại.

– Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, TK 112, TK 131, TK 3331,...

c. Nguyên tắc hạch toán trong kế toán bán hàng

TH1: Bán hàng và cung cấp dịch vụ thông thường

Ghi nhận doanh thu

Nợ TK 111/112/131

Có TK 511

Có TK 3331

Ghi nhận giá vốn

Nợ TK 632

Có TK 155/156

TH2: Bán hàng qua kho theo phương thức chuyển thẳng

Xuất kho gửi hàng cho khách hàng

Nợ TK 157

Có TK 155/156

Khi khách hàng nhận hàng và chấp nhận thanh toán

Ghi nhận giá vốn

Nợ TK 632

Có TK 157

Ghi nhận doanh thu

Nợ TK 111/112/131

Có TK 511

Có TK 3331

TH3: Mua và bán ngay

Mua về bán ngay cho người mua

Nợ TK 632

Nợ TK 1331

Có TK 111/112/131

Ghi nhận doanh thu

Nợ TK 111/112/131

Có TK 511

Có TK 157

Nhận hóa đơn của đại lý về tiền hoa hồng của đại lý

Nợ TK 641

Nợ TK 133

Có TK 131

Nhận tiền của đại lý nộp (sau khi trừ đi khoản thanh toán hoa hồng đại lý)

Nợ TK 111/112

Có TK 131

TH5: Bán hàng trả góp, trả chậm

Xác định doanh thu trên hóa đơn

Nợ TK 131

Có TK 511

Có TK 3331

Có TK 3387

Ghi nhận giá vốn

Nợ TK 632

Có TK 155/156

Định kỳ khách hàng trả tiền

Nợ TK 111/112

Có TK 131

Cuối tháng kết chuyển doanh thu tài chính

Nợ TK 3387

Có TK 515

**TH6: Bán hàng theo phương thức trao đổi hàng – trao đổi không tương tự
Hàng hóa A và B**

Doanh thu

Nợ TK 131

Có TK 511

Có TK 333

Giá vốn

Nợ TK 632

Có TK 155/156(A)

Khi nhận được hóa đơn GTGT của hàng hóa B

Nợ TK 155/156(B)

Nợ TK 133

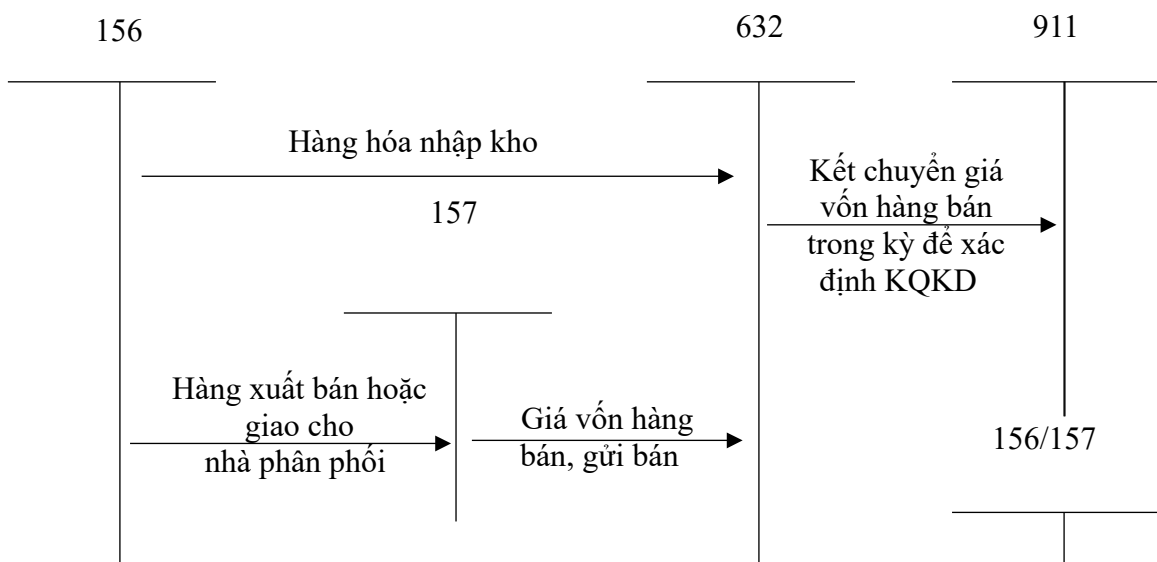
Có TK 131

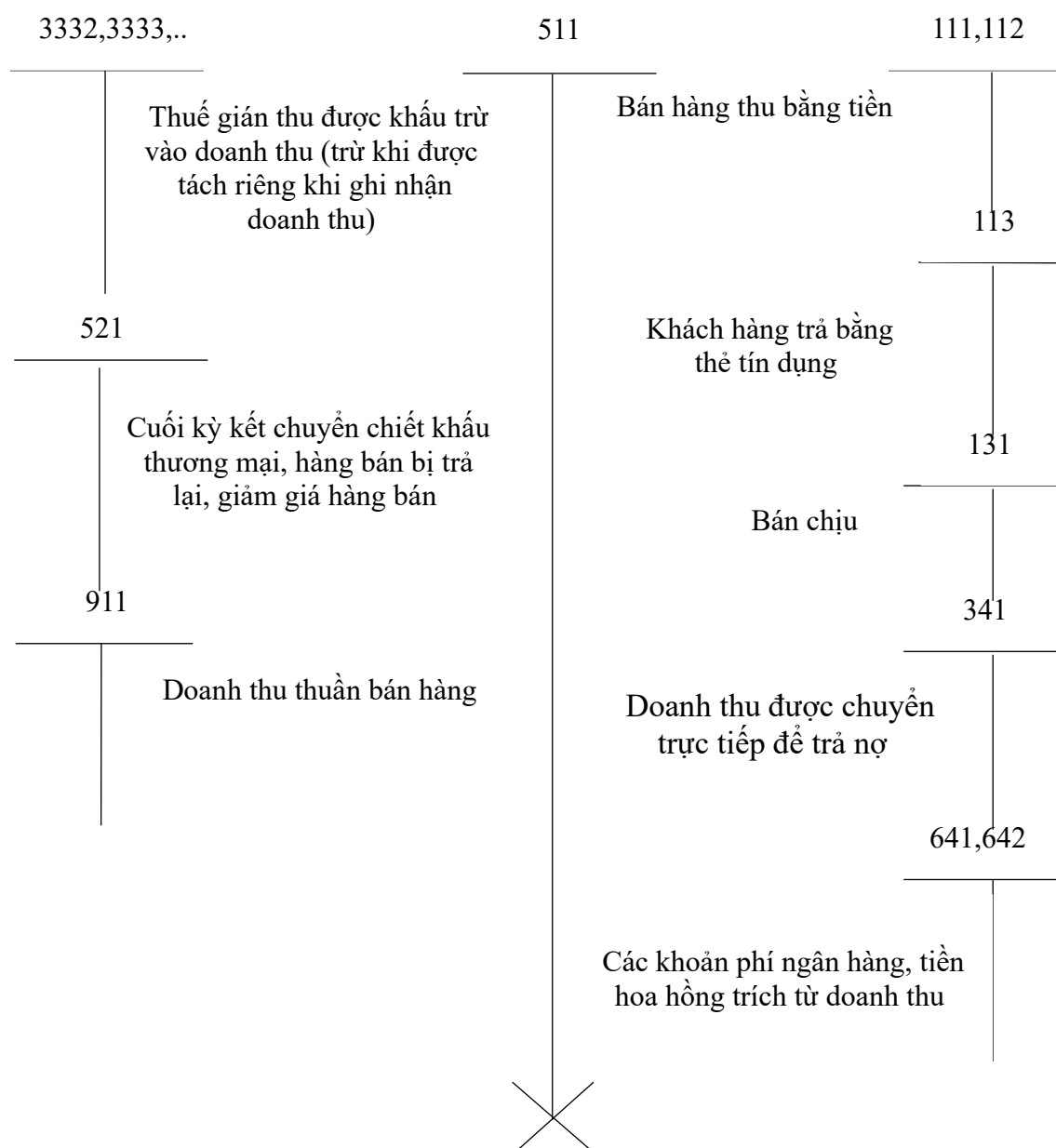
Thanh toán phần chênh lệch

Nợ TK 131

Có TK 111

d. Sơ đồ hạch toán





Hình 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng

1.3. Luật, nghị định, chuẩn mực, thông tư

Hiện Công ty đang áp dụng 1 số Luật, nghị định, chuẩn mực, thông tư của nhà nước ban hành như sau:

Luật:

- “Luật kế toán 2015 số 88/2015/QH/2013”

“Luật Kế toán 2015 số 88/2015/QH/2013 được ban hành ngày 20/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 là cơ sở pháp lý quy định về việc quản lý và tổ chức kế toán trong các tổ chức kinh tế, xã hội. Luật này quy định về nguyên tắc, phương pháp kế toán, tổ chức và quản lý hệ thống kế toán, báo cáo tài chính, kiểm toán và xử lý vi phạm kế toán, Ngoài ra, Luật Kế toán 2015 cũng xác định trách nhiệm, quyền hạn của các bên

liên quan trong việc thực hiện kế toán đúng quy định. Luật này có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự minh bạch, công bằng và hiểu rõ về tình hình tài chính của các tổ chức, cá nhân.”

Nghị định:

- Nghị định số “174/2016/NĐ-CP”

“Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 có nhiệm vụ hướng dẫn một số điều của Luật kế toán liên quan đến nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán và quy định về người làm kế toán. Văn bản này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.”

- Nghị định số “119/2018/NĐ-CP”

“Nghị định 119/2018/NĐ-CP, ban hành bởi Chính phủ ngày 12/9/2018 quy định về sử dụng hóa đơn điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ. Nghị định này xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế cũng như các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử. Ngoài ra nó cũng làm rõ quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quản lý và sử dụng hóa đơn điện tử.”

- Nghị định số “128/2004/NĐ-CP”

Nghị định 128/2004/NĐ-CP được ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004. Các nguyên tắc kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán công. Nghị định này quy định rõ các nguyên tắc, phương pháp và quy trình kế toán mà các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cũng như các đơn vị khác thuộc hệ thống kế toán nhà nước áp dụng. Bên cạnh đó, Nghị định 128/2004/NĐ-CP cũng quy định việc trích lập, kiểm tra, kiểm soát và báo cáo kế toán để đảm bảo tính chính xác, minh bạch và công khai trong hoạt động kinh doanh của các đơn vị, Đồng thời, nghị định này cũng quy định trách nhiệm, quyền hạn của các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý và triển khai kế toán nhà nước

- Nghị định số “129/2004/NĐ-CP”

Nghị định 129/2004/NĐ-CP được ban hành ngày 31/05/2004, hướng dẫn chi tiết về việc thực hiện Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh. Nghị định này quy định các phương pháp xác định, tính toán, báo cáo và kiểm tra kết quả kinh doanh của các tổ chức, cá nhân theo những quy định của Luật Kế toán.

Nghị định này nhấn mạnh tính minh bạch, công khai thông tin tài chính cũng như báo cáo tài chính của các tổ chức kinh doanh, đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của công tác quản lý tài chính.

Thêm vào đó, nghị định cũng xác định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ đúng các quy định pháp luật về kế toán và báo cáo tài chính.

Tóm lại, Nghị định 129/2004/NĐ-CP là đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn việc thực hiện kế toán trong các hoạt động kinh doanh, với mục tiêu đảm bảo tính nhất quán, minh bạch và trung thực trong quản lý tài chính của các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh.

Chuẩn mực:

- “Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 (VAS01) – Chuẩn mực chung”

“Ban hành và công bố theo Quyết định số “165/2002/QĐ-BTC” ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2003.”

- “Chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho”

“Ban hành và công bố theo quyết định số “149/2001/ QĐ-BTC” ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2003. Quy định về việc quản lý và kiểm soát hàng tồn kho trong doanh nghiệp. Chủ đề này bao gồm các nội dung như lập bảng kê tồn kho, xác định giá trị tồn kho, kiểm tra hàng tồn kho định kỳ và thực hiện biện pháp xử lý hàng tồn kho không còn giá trị. Quy định này giúp doanh nghiệp có biện pháp hiệu quả để quản lý và kiểm soát hàng tồn kho, từ đó tối ưu hóa quá trình sản xuất và kinh doanh”

- “Chuẩn mực số 03 – tài sản cố định hữu hình”

“Mục đích của chuẩn mực này là quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với tài sản cố định hữu hình, gồm: Tiêu chuẩn TSCĐ hữu hình, thời điểm ghi nhận, xác nhận ban đầu, khấu hao, thanh lý TSCĐ hữu hình và một số quy định khác làm cơ sở ghi sổ kế toán và lập BCTC”

“Chuẩn mực này áp dụng cho kế toán TSCĐ hữu hình, trừ khi có chuẩn mực kế toán khác quy định cho phép áp dụng nguyên tắc và phương pháp kế toán khác cho TSCĐ hữu hình”

- “Chuẩn mực số 14 – (VAS14) - Doanh thu và thu nhập khác”

“Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính và có hiệu lực từ ngày 01/01/2002. Hướng dẫn về việc nhận diện doanh thu và thu nhập khác từ các hợp đồng với khách hàng. Chuẩn mực này đặt ra yêu cầu về việc nhận diện, đo lường và báo cáo doanh thu để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong báo cáo tài chính của các công ty. Nó quy định rằng doanh thu chỉ được nhận diện khi hàng hóa hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho khách hàng và giá trị tương ứng đã được xác định một cách rõ ràng. Đồng thời, chuẩn mực này cũng yêu cầu công ty phải phân biệt giữa doanh thu và thu nhập khác để đảm bảo tính đồng nhất trong báo cáo tài chính”

Thông tư:

- “Thông tư 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp”

“Thông tư được ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định việc công bố kết quả tài chính và các vấn đề khác liên quan đến chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, thông tư này quy định các nguyên tắc, phương pháp và quy trình thực hiện kế toán để đảm bảo tính chính xác, minh bạch và công bằng trong việc thông tin tài chính của doanh nghiệp.

Hướng dẫn về việc sử dụng hệ thống kế toán, báo cáo tài chính, kiểm toán và công bố thông tin trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, thông tư cũng quy định về việc đào tạo, nâng cao năng lực và chất lượng công tác kế toán trong doanh nghiệp”

“Mục tiêu của thông tư này là tạo ra một hệ thống kế toán chuẩn mực và hiệu quả, giúp doanh nghiệp quản lý và kiểm soát tài chính một cách hiệu quả, đồng thời nâng cao uy tín và minh bạch trong hoạt động kinh doanh của họ”

- “Thông tư 39/2014/TT-BTC”

“Thông tư được ban hành ngày 31/03/2014 có hiệu lực từ ngày 01/06/2014. Hướng dẫn về việc thực hiện Nghị định về hóa đơn bán hàng hóa, Theo đó, các doanh nghiệp phải tuân thủ quy định về việc cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm thông tin về người mua, người bán, số lượng và giá trị hàng hóa, thuế suất và số tiền thuế phải nộp”

“Thông tư này cũng quy định về việc lưu trữ hóa đơn bán hàng hóa trong thời gian pháp lý quy định và hủy hóa đơn theo đúng quy trình. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng phải thực hiện báo cáo sử dụng hóa đơn đối với cơ quan thuế theo quy định”

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH

2.1. Giới thiệu chung về công ty

Tên doanh nghiệp	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH
Tên quốc tế	NTELLIGENT TECHNOLOGY SERVICES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	INTES
Địa chỉ	27/4, Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh
Người đại diện	LÊ PHÚ THÀNH
Mã số thuế	0313014995
Điện thoại	02838832324 – 02439482345
Email	info@ites.vn
Website	info@ites.vn
Loại hình doanh nghiệp	Công ty Cổ phần ngoài Nhà Nước
Số lượng lao động	50-100 nhân viên
Ngành nghề kinh doanh	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.

2.1.1. Thông tin về quá trình hình thành và phát triển công ty

Công ty Cổ phần dịch vụ Công nghệ Thông Minh (ITES) được thành lập từ ngày 17/11/2014 với mục tiêu xây dựng thương hiệu uy tín trong lĩnh vực phân phối và thi công lắp đặt thiết bị vào công trình. Từ một doanh nghiệp non trẻ, sau 5 năm hoạt động, ITES đã nhanh chóng khẳng định mình với những dự án tiêu biểu trải dài khắp cả nước, được các đối tác đánh giá cao về tính chuyên nghiệp và hiệu quả thực hiện.

Công ty Cổ phần dịch vụ Công nghệ Thông Minh hoạt động trong lĩnh vực cung cấp thiết bị và giải pháp mạng Cơ điện và Điện nhẹ. Công ty đã tư vấn, cung cấp giải pháp trong mạng điện nhẹ cho nhiều tòa nhà, khách sạn, bệnh viện, căn hộ cao cấp

Sunwah Pearl Hồ Chí Minh, khách sạn Pullman Hải Phòng, học viện hải quân Nha Trang, trung tâm thương mại Gigamall,... Với nhiều thành công, hiện nay công ty đang là đối tác cho nhiều nhãn hàng lớn: Vivanco, Crestron, Panasonic, QSC, MicroEngine, Vivaparking,... Tất cả thiết bị mà công ty cung cấp được phân phối và bảo hành chính thức tại Việt Nam.

Xây dựng 4 giá trị cốt lõi: Kỷ luật - Đoàn kết - Chủ động Chuyên nghiệp, ITES hướng đến sự chuyên nghiệp để thực hiện 3 sứ mệnh:

- Phát triển giải pháp sản phẩm, dịch vụ với định hướng “Không dừng lại với thành công hiện tại”.
- Phát triển nhân sự với định hướng ”Con người là tài sản quý giá nhất”.
- Phát triển tổ chức với định hướng “Đổi mới không ngừng, vững tin phát triển”.

Đội ngũ ITES thường xuyên được trải nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cũng như kinh nghiệm để ngày càng mang đến sự chuyên nghiệp dành cho khách hàng. Định hướng trong tương lai, ITES tập trung phát triển nguồn nhân lực để định hướng trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh, thi công lắp đặt thiết bị vào công trình.

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh

Kể từ khi thành lập và phát triển đến nay, Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh đã ổn định và từng bước đi vào hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính là hoạt động chính. Ngoài ra công ty còn tiến thực hiện hoạt động tư vấn trong các lĩnh vực như quy hoạch, đấu thầu, lắp đặt trang thiết bị văn phòng, chung cư, trường học,...

Công ty đã đăng kí hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sau đây:

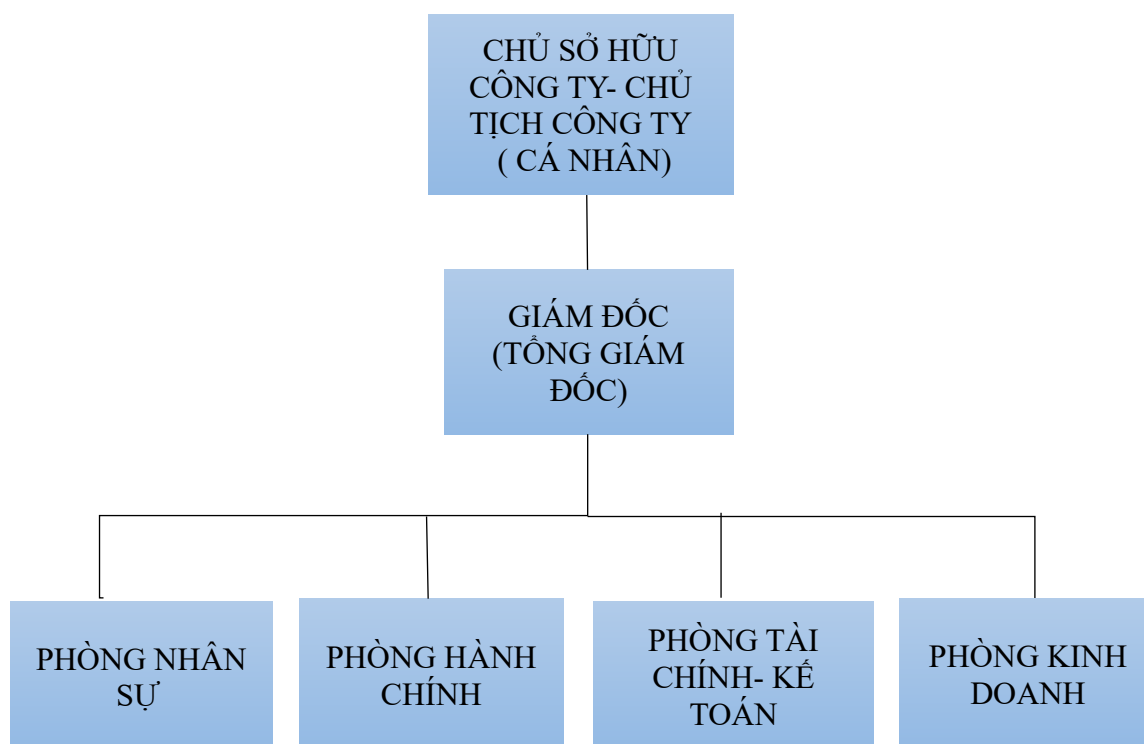
- Sản xuất máy vi tính và TB ngoại vi của máy vi tính
- Sản xuất TB truyền thông
- Sản xuất máy móc và TB văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)
- Sửa chữa máy móc, TB
- Lắp đặt máy móc và TB công nghệ
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, tháo nước, lò sưởi và điều hòa không khí

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Đại lý, môi giới, đấu giá
- Bán buôn máy vi tính, TB ngoại vi và phần mềm
- Bán buôn TB và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn máy móc, TB và phụ tùng máy khác
- Bán buôn vật liệu, TB lắp đặt khác trong xây dựng
- Bán lẻ máy vi tính, TB ngoại vi, phần mềm và TB viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Xuất bản phần mềm
- Hoạt động viễn thông có dây
- Hoạt động viễn thông khác
- Lập trình máy vi tính
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
- Công thông tin
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động tư vấn quản lý
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Quảng cáo
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
- Cho thuê xe có động cơ
- Cho thuê máy móc, TB và đồ dùng hữu hình khác
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Sửa chữa máy vi tính và TB ngoại vi
- Sửa chữa TB liên lạc

2.1.3. Sơ đồ tổ chức công ty

Bộ máy của Công ty được tổ chức theo mô hình chức năng- trực tuyến. Có mối quan hệ chức năng, hỗ trợ lẫn nhau giữa ban lãnh đạo và các bộ phận phòng ban.



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của công ty ITES

2.1.4. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

Chủ tịch công ty: chủ sở hữu công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ về tài sản của công ty; quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, lợi ích của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Giám đốc: Là người điều hành, quyết định phương thức và hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm về điều kiện sản xuất, kinh doanh của công ty. Ông Lê Phú Thành hiện nay Giám đốc công ty kiêm Chủ tịch công ty.

Phòng nhân sự: Chịu trách nhiệm lên kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, thăng tiến nhân sự cho phòng ban, bộ phận trong công ty theo yêu cầu.

Phòng hành chính : Thực hiện các công việc hành chính như: Tiếp nhận, lưu trữ, ban hành công văn, tài liệu, giấy tờ. Cập nhật các công việc về chế độ chính sách khen thưởng, lương bổng cũng như làm rõ các vấn đề liên quan khác với chính phủ khi có yêu cầu.

Phòng tài chính – kế toán: Giúp BGD lập kế hoạch sử dụng và luân chuyển nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu kinh doanh của đơn vị. Triển khai hạch toán các nghiệp vụ kinh tế trong nội bộ, đảm bảo cung cấp dữ liệu kế toán trung thực, nhanh chóng, chính xác. Lập BCTC, báo cáo thuế, báo cáo thu chi trình lên các cấp trên.

Phòng kinh doanh: Gồm 2 bộ phận là Phòng kinh doanh và Phòng phát triển dự án. Chịu trách nhiệm tham mưu và xây dựng cho lãnh đạo công ty về kế hoạch kinh doanh, tình hình tiêu thụ sản phẩm của công ty; tổng hợp các thông tin liên quan để xây dựng hồ sơ dự án khi tham gia đấu thầu, chuẩn bị tài liệu phục vụ cho việc đàm phán, xây dựng mối quan hệ với khách hàng,...

2.2. Tổ chức hệ thống kế toán

Mọi chứng từ kế toán được lập ra từ công ty hoặc được gửi đến từ bên ngoài đều phải được tập trung tại bộ phận kế toán Công ty. Bộ phận kế toán sẽ kiểm tra những chứng từ kế toán này và chỉ sau khi kiểm tra, xác minh tính hợp pháp của các chứng từ đó mới được sử dụng để ghi sổ kế toán.

- Các chính sách kế toán chung
- Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán
- Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán
- Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán
- Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản theo Thông tư 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014. Để thuận tiện cho việc hạch toán và ghi sổ công ty đã quyết định mở các tài khoản chi tiết như sau:

TK1121: “Tiền gửi ngân bằng tiền Việt Nam” được chi tiết theo ngân hàng gửi tiền như sau:

- TK 11211: Tiền gửi ở Ngân hàng MB Bank – Ngân hàng Quân đội

- TK 11212: Tiền gửi ở Ngân hàng TMCP Phương Đông – OCB - CN HCM

“TK 156: Hàng hóa” được chi tiết như sau:

- “TK 1561: Giá mua hàng hóa”
- “TK 1562: Chi phí thu mua hàng hóa”

“TK 131: Phải thu của khách hàng” được chi tiết theo kí hiệu riêng và tên của từng khách hàng. Ví dụ: Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Công ty Long Hải thì tài khoản chi tiết được mở là: TK 131_LH

“TK 331: Phải trả người bán” được mở chi tiết theo kí hiệu riêng và tên của nhà cung cấp. Ví dụ: Hợp đồng mua thiết bị của Công ty TNHH Cao Phong thì tài khoản chi tiết được mở là: TK 331_CP

“TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” được mở chi tiết thành:

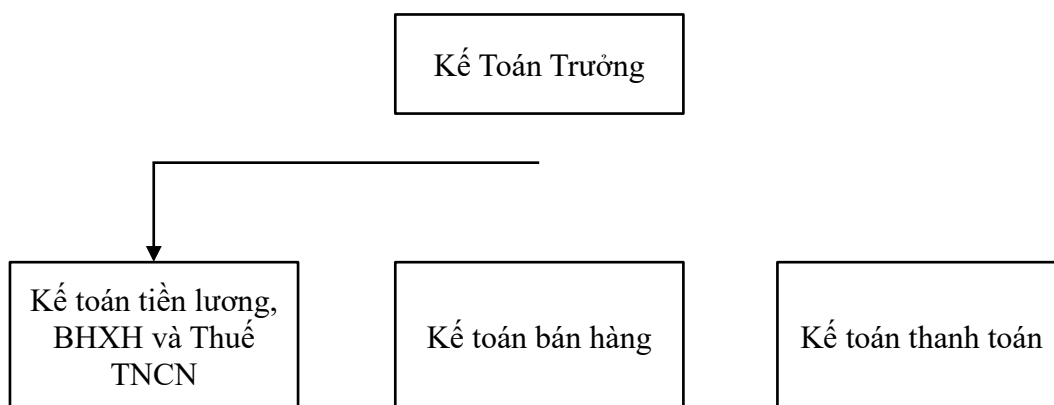
“TK 5112: Doanh thu cung cấp dịch vụ”

2.2.1. Sơ đồ tổ chức phòng kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung và liên quan trực tiếp đến bộ máy quản lý.

Nhiệm vụ, chức năng của kế toán là tổ chức công tác kế toán để ghi chép, phân loại các nghiệp vụ kinh tế. Vì vậy, cơ cấu bộ máy kế toán cần phải gọn nhẹ, hợp lý và hoạt động hiệu quả.

Mọi công việc kế toán đều tập trung tại Phòng Tài chính Kế toán.



Hình 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty ITES

2.2.2. Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán

- Kế toán trưởng: là người đứng đầu trong bộ máy kế toán của doanh nghiệp. Kế toán trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - Tổ chức và thực hiện công tác kế toán của công ty theo đúng quy định của pháp luật.
 - Tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các kế toán viên.
 - Rà soát, giám sát công việc kế toán của các kế toán viên.
 - Chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin do bộ phận kế toán cung cấp.
- ❖ Công việc hàng ngày:
 - Kiểm tra và xác nhận các chứng từ, HĐ, bảng kê, phiếu thu, phiếu chi.
 - Theo dõi, kiểm tra các giao dịch tài chính hàng ngày của công ty và xử lý.
 - Lập và kiểm tra bảng CĐKT, bảng kê, sổ sách kế toán hàng ngày.
 - Phân tích dữ liệu và thông tin tài chính để lập báo cáo chi tiết gửi cho BGD
- ❖ Công việc hàng tháng:
 - Thực hiện báo cáo thuế hàng tháng và tổng hợp BCTC hàng tháng
 - Lập BCKQKD và BCTC cho Ban Giám đốc.
 - Chấm công, tính lương và tính thuế TNCN cho nhân viên.
- ❖ Công việc hàng quý:
 - Tiến hành kiểm tra số liệu kế toán hàng quý.
 - Lập BCTC và báo cáo thuế hàng quý.
 - Đối chiếu số liệu tài chính và đưa ra ý kiến, đề xuất cải tiến cho Ban Giám đốc.
- Kế toán tiền lương và BHXH, Thuế TNCN: có nhiệm vụ tính lương cho toàn bộ nhân viên trong công ty, theo dõi và tính BHXH theo quy định.
 - Giám sát tính lương cho toàn bộ nhân viên công ty.
 - Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đóng BHXH, bồi thường BHXH cho người lao động theo quy định
 - Kiểm tra, rà soát và báo cáo tình hình nộp thuế TNCN cho toàn bộ nhân viên trong công ty.
- ❖ Công việc hàng ngày:

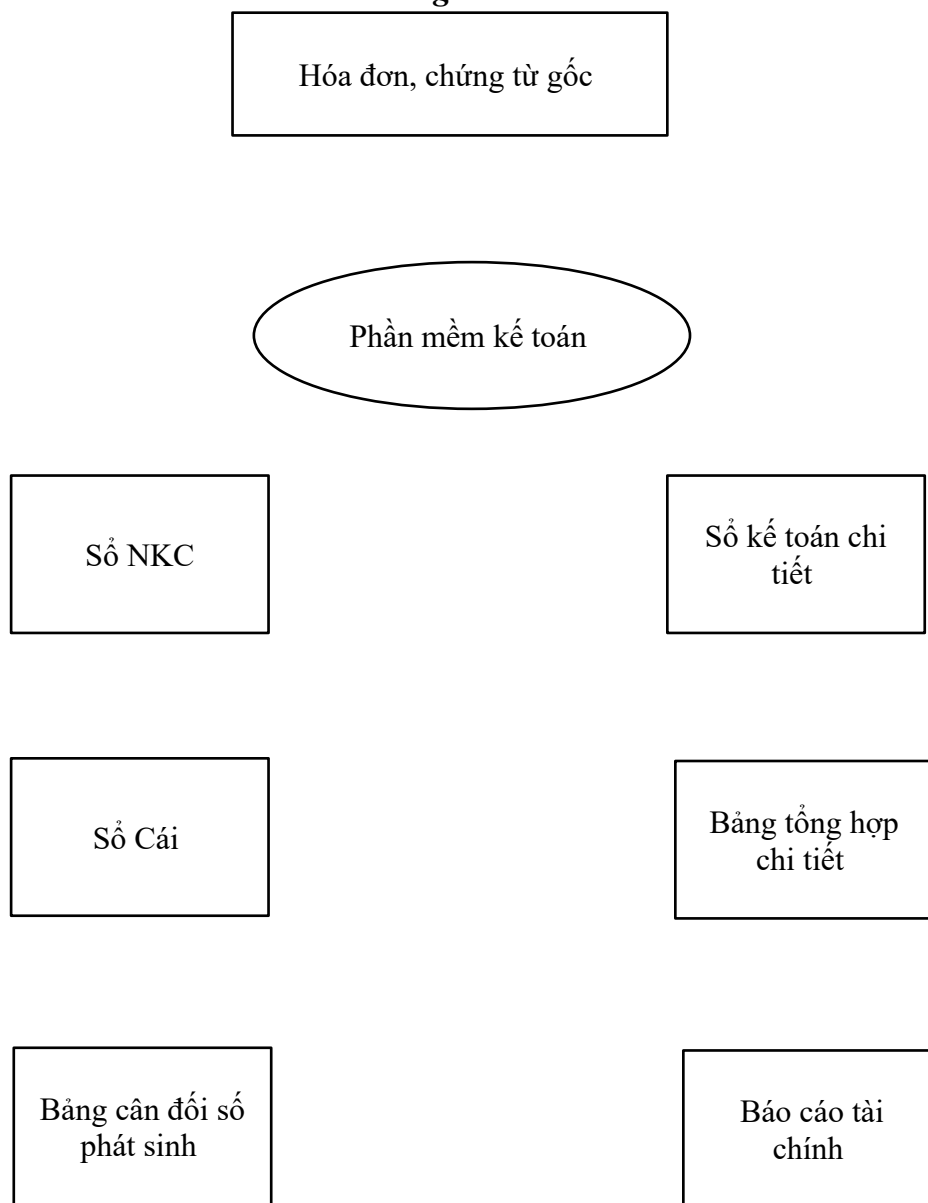
- Thu thập thông tin về số giờ làm việc, mức lương cơ bản, phúc lợi của từng nhân viên.
 - Theo dõi, chấm công và tính lương hàng tháng cho nhân viên.
 - Thu thập thông tin, chứng từ liên quan theo quy định của pháp luật.
 - để nộp BHXH, thuế TNCN.
- ❖ Công việc hàng tháng:
- Chuẩn bị báo cáo tổng hợp về lương, BHXH, TNCN hàng tháng để báo cáo cho các cấp trên.
 - Kiểm tra và xác nhận các khoản lương, BHXH, TNCN
 - Tổng hợp các khoản lương, BHXH, thuế TNCN của nhân viên và tiến hành các thủ tục nộp thuế theo quy định pháp luật.
- ❖ Công việc hàng quý:
- Nộp báo cáo tổng hợp về lương, BHXH, TNCN hàng quý.
 - Đối chiếu, soát xét các số liệu chi phí lương, BHXH, TNCN đảm bảo tính chính xác và trung thực.
- Kế toán bán hàng: Ghi nhận doanh thu bán hàng, phản ánh kịp thời đầy đủ và chính xác tình hình mua bán hàng hóa, dịch vụ, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng phát sinh trong kỳ. Xác định và phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ. Có nhiệm vụ, quyền hạn sau:
- Quản lý và kiểm soát thông tin về doanh số bán hàng của công ty
 - Xác định, kiểm tra những vấn đề liên quan đến bán hàng
 - Quản lý hệ thống sổ sách, thông tin về bán hàng
 - Liên hệ và làm việc với nhà cung cấp, khách hàng về vấn đề thông tin liên quan đến bán hàng
- ❖ Công việc hàng ngày:
- Ghi nhận và kiểm tra đơn đặt hàng, HĐ bán hàng
 - Xác nhận việc giao, nhận hàng hóa dịch vụ
 - Xử lý, xác nhận các khoản chi phí và doanh thu liên quan đến bán hàng
- ❖ Công việc hàng tháng:
- Thực hiện việc cân đối số liệu kế toán liên quan đến bán hàng

- Lập bảng CĐKT
- ❖ Công việc hàng quý:
- Tổng hợp và kiểm tra các hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi
 - Lập báo cáo doanh thu và chi phí bán hàng
 - Đánh giá và phân tích số liệu
- Kế toán thanh toán: Giám sát, ghi nhận các giao dịch liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, theo dõi các khoản phải trả, thanh toán của nhà cung cấp, thanh toán của người mua, thanh toán nội bộ và các khoản thanh toán trước. Có nhiệm vụ sau:
- Ghi lại các giao dịch thanh toán của công ty.
 - Theo dõi các khoản phải thu, phải trả của công ty.
 - Thực hiện các thủ tục thanh toán cho khách hàng, nhà cung cấp.
- ❖ Công việc hàng ngày:
- Kiểm tra và xử lý các hóa đơn, phiếu chi, phiếu thu
 - Xác nhận thông tin và xử lý các yêu cầu thanh toán từ các bên liên quan
 - Theo dõi các khoản phải trả đối với các đối tác, nhà cung cấp và các khoản phải thu khách hàng.
 - Thực hiện các giao dịch chuyển khoản, thanh toán bằng ngân hàng
- ❖ Công việc hàng tháng:
- Tổng hợp và kiểm tra các thông tin về thanh toán hàng tháng.
 - Chuẩn bị bảng tổng hợp công nợ và chuẩn bị hồ sơ bảo lưu cho các giao dịch thanh toán theo yêu cầu của pháp luật.
- ❖ Công việc hàng quý:
- Tổng kết và đánh giá tình hình thanh toán trong quý vừa qua.
 - Đánh giá, đưa ra đề xuất cải tiến quy trình thanh toán để tăng cường hiệu quả và năng suất làm việc của bộ phận kế toán.
 - Theo dõi xử lý những vấn đề liên quan đến thanh toán, bao gồm giải quyết các tranh chấp thanh toán, xử lý các tình huống khẩn cấp hoặc yêu cầu đặc biệt từ đối tác.

2.2.3. Đặc điểm và chính sách kế toán

2.2.3.1. Đặc điểm tổ chức của bộ sổ kế toán

Hình 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần dịch vụ Công nghệ Thông Minh



Ghi chú:

:Ghi hàng ngày

:Ghi định kỳ

:Đối chiếu kiểm tra

Trình tự ghi sổ tại công ty diễn ra như sau:

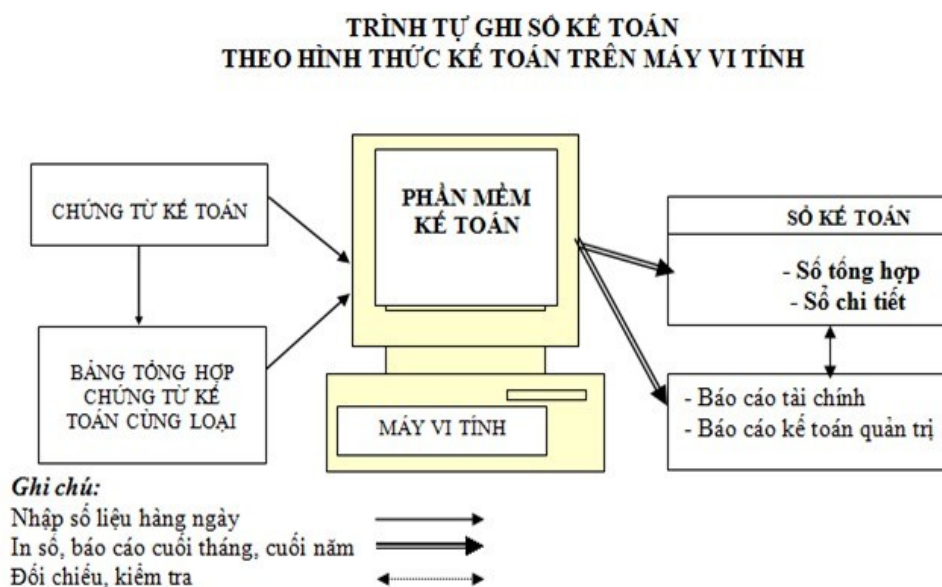
Việc hạch toán hàng ngày được kế toán thực hiện dựa trên các chứng từ ban đầu hợp lệ, như: HĐ bán hàng, phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, PXX,... kế toán tiến hành nhập thông tin chứng từ vào phần mềm.

Dựa vào quy trình hoạt động của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, Sổ nhật ký chung) và các thẻ sổ kế toán liên quan một cách tự động. Cuối kỳ, kế toán tiến hành việc khóa sổ và lập BCTC. Việc so sánh giữa các số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết được diễn ra tự động và đảm bảo chính xác, chân thực. Cuối mỗi quý, mỗi năm tài chính kế toán in các sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết,... ra giấy, phân loại, đóng bìa và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật.

2.2.4. Chính sách kế toán

- Năm tài chính bắt đầu từ: 01/01 đến 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC được bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung, được thực hiện trên phần mềm MISA và phần mềm Excel
- Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Quy trình xử lý dữ liệu kế toán tại công ty: Giữa các phần hành kế toán thường không tiến hành luân chuyển số liệu trực tiếp mà thông qua mạng nội bộ thông tin được xử lý trực tiếp thông qua các bộ phận trên giấy rồi mới cập nhật vào máy chủ.

– Quy trình kế toán máy – phần mềm MISA



Hình 2.4: Quy trình kế toán máy

➤ **Bước 1: Nhận dữ liệu đầu vào**

Công việc này do kế toán viên thực hiện. Sử dụng những chứng từ gốc ban đầu được lấy làm căn cứ ghi sổ kế toán như: Phiếu thu, phiếu chi, HĐ mua hàng, HĐ bán hàng,...đưa vào máy chủ.

➤ **Bước 2: Xử lý thông tin**

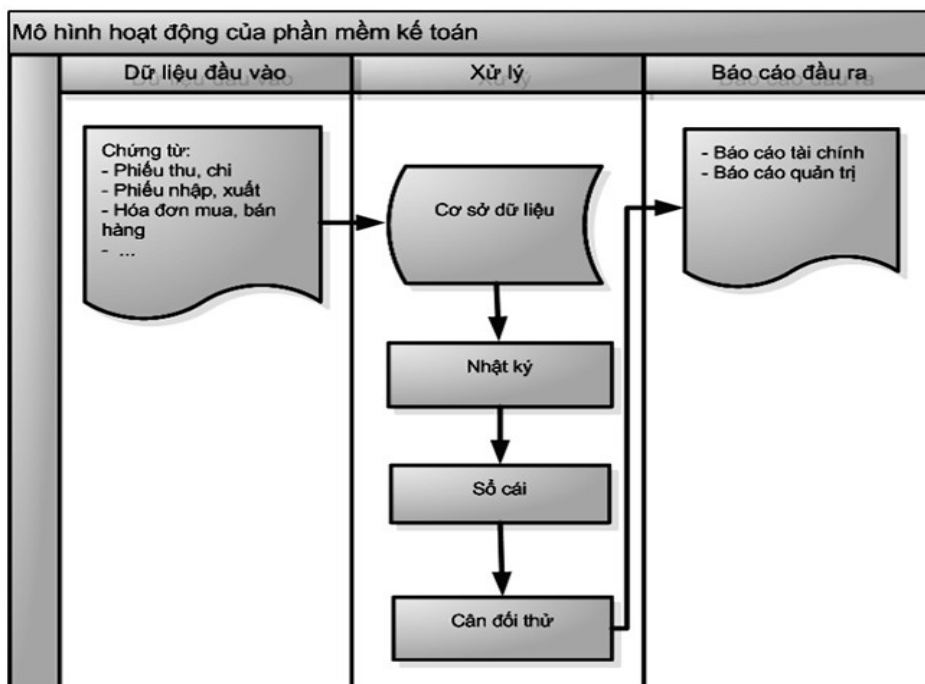
Giai đoạn này được thiết lập tự động trên phần mềm, kế toán viên không cần làm gì ở công đoạn này. Các dữ liệu sẽ tự động được liên kết giữa các bảng biểu và sổ sách từ chi tiết tới sổ cái, không cần sự can thiệp từ người sử dụng.

➤ **Bước 3: Kết xuất dữ liệu đầu ra**

Việc kiểm tra và kết xuất dữ liệu cũng được thực hiện hoàn toàn tự động nhưng vẫn có thể có sai sót xảy ra. Công việc của kế toán viên là kiểm tra lại xem có sai sót ở đâu không:

- + Nếu phát hiện ra sai sót, kế toán viên quay lại kiểm tra dữ liệu thông tin đầu vào đã được nhập
- + Nếu không phát hiện ra sai sót ở giai đoạn nhập thông tin đầu vào thì kế toán có thể liên hệ với bên chăm sóc khách hàng của phần mềm để kiểm tra xử lý thông tin.

Dưới đây là quy trình làm việc của phần mềm kế toán:



Hình 2.5: Quy trình hoạt động của phần mềm kế toán

2.3. Công việc kế toán bán hàng

2.3.1. Mô tả công việc kế toán bán hàng

2.3.1.1. Yêu cầu của công việc

❖ Mục đích công việc

- Phản ánh trung thực tình hình bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.
- Cung cấp đầy đủ thông tin hỗ trợ cho việc lập BCTC và quản lý tài chính.

❖ Nhiệm vụ chính của kế toán bán hàng

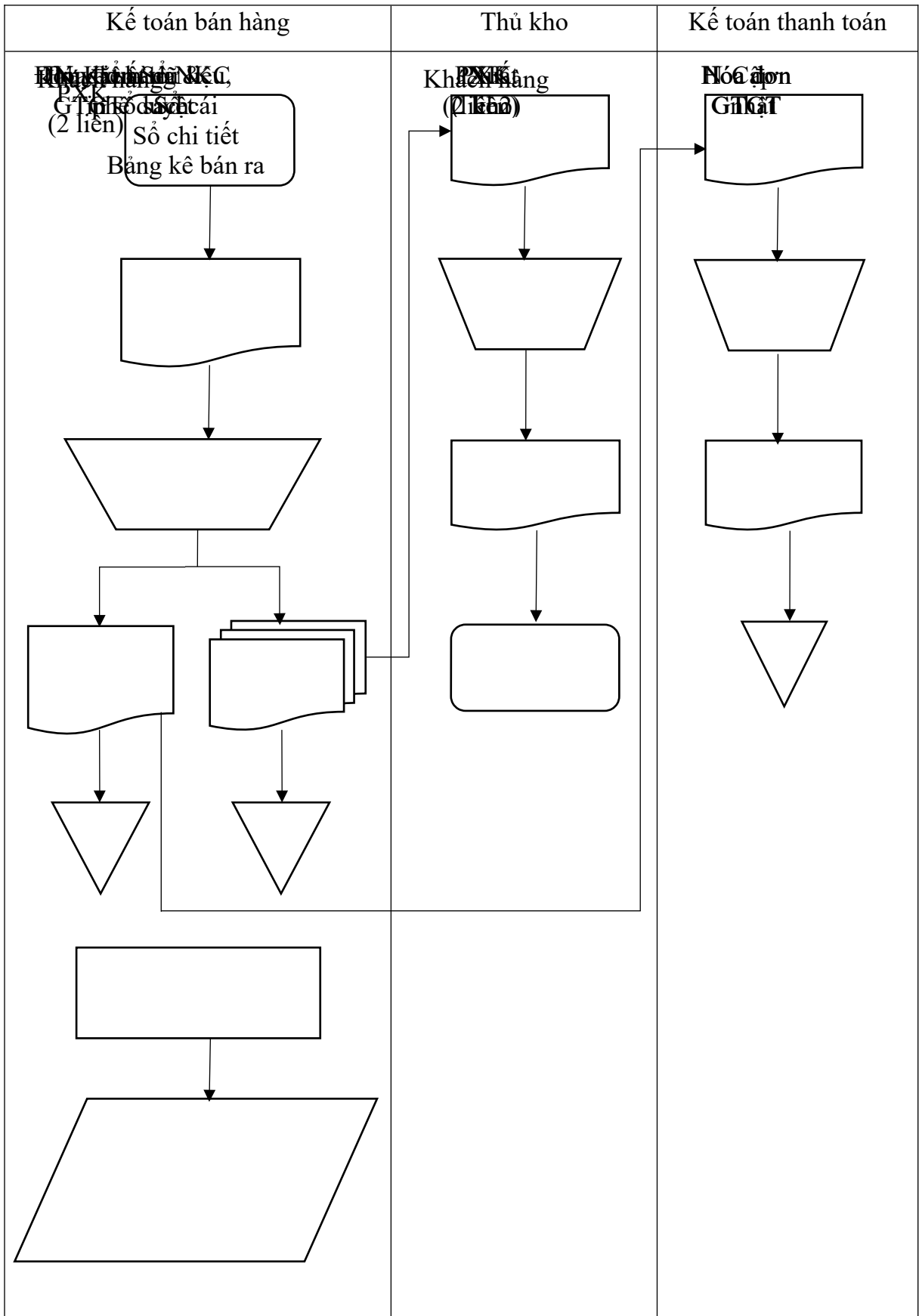
- Làm bảng báo giá, soạn thảo hợp đồng, quản lý thông tin khách hàng, sổ sách, chứng từ liên quan đến việc bán hàng.
- Kế toán có nhiệm vụ nhập số liệu mua hàng, bán hàng vào phần mềm kế toán mỗi ngày.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, số lượng hàng hóa dịch vụ mua vào và bán ra, tồn kho về cả số lượng, chất lượng và giá trị thực tế.
- Rà soát, giám sát quá trình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch bán hàng, doanh thu bán hàng của đơn vị, trạng thái thanh toán của đơn hàng.
- Kiểm tra số liệu trên phần mềm và so sánh với số liệu thực tế.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sơ bộ sử dụng HĐ trong kỳ.
- Lập tờ khai thuế theo biểu mẫu kê khai thuế GTGT của nhà nước.

❖ Kết quả công việc

Cuối tháng kế toán bán hàng sẽ lập bảng kê bán ra theo hóa đơn, tính tổng doanh thu bán ra trong tháng để báo cáo lên cấp trên. BGD sẽ dựa vào đó so sánh, đánh giá và đưa ra các kế hoạch kinh doanh tiếp theo để có thể đạt được doanh thu tối đa.

2.3.1.2. Trình tự tiến hành

Dưới đây là lưu đồ mô tả quy trình tiến hành công việc kế toán bán hàng tại Công ty:



Lưu đồ 2.6: Mô tả quy trình kế toán bán hàng

❖ **Diễn giải quá trình bán hàng:**

Bước 1: Kế toán bán hàng nhận được hợp đồng từ phòng kinh doanh, tiến hành xác minh thông tin khách hàng (tên người mua, tên công ty, mã số thuế, địa chỉ,...)

Bước 2: Lập phiếu xuất kho

Kế toán thực hiện xử lý đơn hàng theo yêu cầu của đơn đặt hàng về mẫu mã, kích cỡ, số lượng, đơn giá theo đúng yêu cầu mà công ty đã thỏa thuận trong hợp đồng

Phiếu xuất kho (2 liên), 1 liên được lưu trữ tại bộ phận kế toán, liên còn lại chuyển sang cho thủ kho làm căn cứ để xuất kho và giao hàng.

Bước 3: Kế toán bán hàng dựa vào Phiếu xuất kho để lập Hóa đơn GTGT

Bước 4: Kế toán bán hàng gửi mail Hóa đơn GTGT tới khách hàng và lưu trữ HĐ tại bộ phận

Bước 5: Kế toán bán hàng hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm MISA để theo dõi, lưu trữ chứng từ liên quan theo số thứ tự.

Bước 6: Kế toán thanh toán thu tiền khách hàng và cập nhật công nợ cho khách.

Bước 7: Cuối kỳ, kế toán bán hàng truy xuất dữ liệu, in các sổ kế toán, bảng kê liên quan đến hoạt động bán hàng.

2.3.1.3. Kết quả công việc

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT: Do kế toán bán hàng lập.
- Phiếu xuất kho: Do kế toán bán hàng lập dùng để làm căn cứ xuất kho và ghi nhận sổ sách kế toán.
- Phiếu thu: Do kế toán thanh toán lập dùng làm căn cứ thu tiền khách hàng.
- Giấy báo có: Khi kế toán thanh toán nhận được giấy báo có được gửi từ ngân hàng sẽ dùng để làm căn cứ cập nhật công nợ cho khách hàng và bàn giao cho kế toán bán hàng ghi nhận doanh thu.

❖ **Hình thức thanh toán**

- Thanh toán bằng tiền mặt
- Thanh toán bằng chuyển khoản
- Thanh toán bằng hình thức trả sau

❖ **Tài khoản sử dụng liên quan**

- Tài khoản 1121 : Tiền gửi ngân hàng
- Tài khoản 1311 : Phải thu khách hàng
- Tài khoản 1561 : Hàng hóa
- Tài khoản 33311 : Thuế GTGT đầu ra phải nộp
- Tài khoản 5111 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 6321 : Giá vốn hàng bán

❖ **Bút toán liên quan**

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Nợ TK 632

Có TK 1561

Ghi nhận doanh thu bán hàng

Nợ TK 111/112,/131

Có TK 511

Có TK 3331

Thu tiền khách hàng

Nợ TK 111/112

Có TK 131

❖ **Liên quan đến chứng từ kế toán**

- Bảng kê hàng hóa, dịch vụ (Phụ lục 01)
- Hợp đồng kinh tế (Phụ lục 02)
- Phiếu thu (Giấy báo có) (Phụ lục 03)
- Hóa đơn GTGT (Phụ lục 04)
- Phiếu xuất kho (Phụ lục 05)

2.3.2. Nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp

❖ **Ví dụ minh họa tại Công ty cổ phần dịch vụ Công nghệ Thông Minh**

Ngày 01/11/2023, xuất bán cho công ty VIVANCO theo HĐ GTGT số 00000175, đơn giá 5.057.589.071 đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10% . Khách hàng thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng.

❖ **Các bước tiến hành tại công ty:**

Bước 1: Ngày 01/11/2023, Kế toán bán hàng nhận được hợp đồng (Phụ lục 02) từ phòng kinh doanh, tiến hành xác minh thông tin khách hàng (tên người mua, tên công ty, mã số thuế, địa chỉ,...)

Bước 2: Lập phiếu xuất kho (Phụ lục 05)

Kế toán thực hiện xử lý đơn hàng theo yêu cầu của đơn đặt hàng về mẫu mã, kích cỡ, số lượng, đơn giá theo đúng yêu cầu mà công ty đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Bước 3: Kế toán bán hàng dựa vào Phiếu xuất kho để lập Hóa đơn GTGT (Phụ lục 04)

Bước 4: Kế toán bán hàng gửi mail Hóa đơn GTGT đến khách hàng và lưu trữ HĐ tại bộ phận

Bước 5: Kế toán bán hàng hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm MISA để theo dõi và cùng với kế toán thanh toán tiến hành lưu trữ chứng từ liên quan theo số thứ tự.

Ghi nhận giá vốn hàng bán:

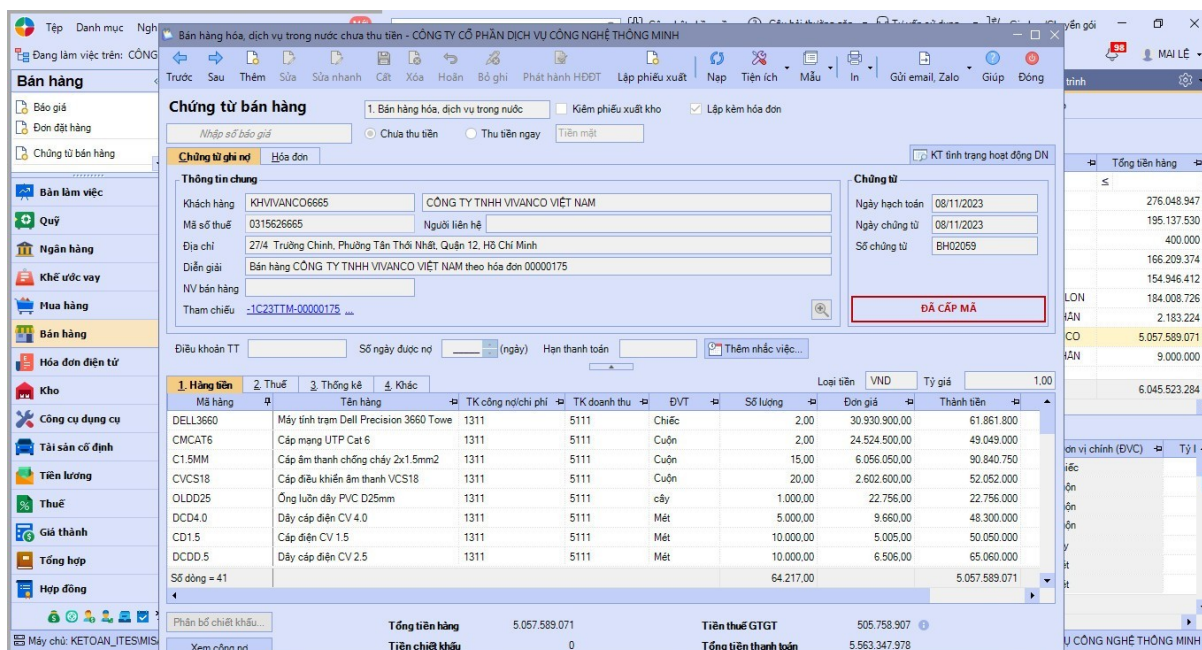
Nợ TK 632	4.603.582.618 đồng
Có TK 1561	4.603.582.618 đồng

Ghi nhận doanh thu :

Nợ TK 131	5.563.347.978 đồng
Có TK 5111	5.057.589.071 đồng
Có TK 33311	505.758.907 đồng

Thu tiền khách hàng :

Nợ TK 112	5.563.347.978 đồng
Có TK 131	5.563.347.978 đồng



Hình 2.7: Giao diện hạch toán doanh thu trên phần mềm MISA

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty ITES)

Bước 6: Khách hàng nhận được hàng và thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, kế toán thanh toán nhận Giấy báo có (Phụ lục 03) được gửi từ Ngân hàng. Tiến hành cập nhật công nợ và lưu hóa đơn theo số thứ tự.

Bước 7: Cuối kỳ, kế toán bán hàng truy xuất dữ liệu, in sổ sách kế toán, bảng kê liên quan đến hoạt động bán hàng.

❖ **Liên quan đến sổ kế toán:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 131
- Sổ chi tiết tài khoản 112
- Sổ chi tiết tài khoản 1561
- Sổ chi tiết tài khoản 5111
- Sổ chi tiết tài khoản 6321

❖ **Liên quan đến loại báo cáo thuế**

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (Phụ lục 12)

2.3.3. Kiểm tra kết quả công việc bán hàng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT: Do kế toán bán hàng lập.
- Phiếu xuất kho: Do kế toán bán hàng lập dùng để làm căn cứ xuất kho và ghi nhận sổ sách kế toán.
- Giấy báo có: Khi kế toán thanh toán nhận được giấy báo có được gửi từ ngân hàng sẽ dùng để làm căn ghi nhận doanh thu cứ cập nhật công nợ cho khách hàng và bàn giao cho kế toán bán hàng.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 156: Hàng hóa
- Tài khoản 131: Phải thu khác hàng
- Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng
- Tài khoản 33311: Thuế GTGT đầu ra phải nộp
- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán

Bút toán liên quan :

Ghi nhận giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632	4.603.582.618 đồng	
Có TK 1561	4.603.582.618 đồng	

Ghi nhận doanh thu :

Nợ TK 131	5.563.347.978 đồng	
Có TK 5111	5.507.589.071 đồng	
Có TK 33311	505.758.907 đồng	

Thu tiền khách hàng :

Nợ TK 112	5.563.347.978 đồng	
Có TK 131	5.563.347.978 đồng	

❖ **Sổ sách chứng từ kế toán liên quan**

- Sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục 6)
- Sổ chi tiết tài khoản 131 (Xem phụ lục 7)
- Sổ chi tiết tài khoản 156 (Xem phụ lục 8)
- Sổ chi tiết tài khoản 632 (Xem phụ lục 9)
- Sổ chi tiết tài khoản 511 (Xem phụ lục 10)
- Sổ chi tiết tài khoản 112 (Xem phụ lục 11)

2.3.4. Kiểm tra kết quả của công việc

Chị kế toán trưởng Trần Thị Mai Lệ là người trực tiếp kiểm tra.

Cách kiểm tra: theo định kỳ hàng tháng, quý so sánh số liệu trên Excel với số liệu trên phần mềm MISA.

Kế toán cung cấp đầy đủ các chứng từ kế toán có liên quan, kiểm tra sự chính xác, phù hợp của các chứng từ kế toán (sổ Nhật ký chung, Sổ Chi tiết từng tài khoản, Phiếu thu/chi,...).

Kiểm tra việc định khoản và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kiểm tra hàng tồn kho cuối tháng.

Kiểm tra lập và kê khai thuế GTGT, kiểm tra lập báo cáo thuế TNDN.

2.3.5. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty giữa các Quý gần đây

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH		Mẫu số B 02 – DN		
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Quý 4 Năm 2023</i>				
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		32.694.499.241	29.963.530.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			90.946.363
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		32.694.499.241	29.845.583.790
4. Giá vốn hàng bán	11		144.729.431.487	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(112.034.932.246)	29.845.583.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		670.021	
7. Chi phí tài chính	22		569.262.988	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		34.836.684.925	
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(147.440.210.138)	29.845.583.790
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		68.001.136	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(68.001.136)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(147.508.211.274)	29.845.583.790
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		98.170.389	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	60		(147.606.381.663)	29.845.583.790
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)
---------------------------------------	---------------------------------------	---

- Số chứng chỉ hành nghề;
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán

Hình 2.8: Kết quả hoạt động kinh doanh giữa Quý 3 và Quý 4 trong năm 2023
(Nguồn: Tác giả thu thập tại Phòng kế toán-Công ty ITES)

Dựa vào bảng 2.8 (Phụ lục 13) trên cho ta thấy kết quả HĐKD trong Quý 3 và Quý 4 năm 2023 có nhiều biến động lớn. Để hiểu rõ hơn, chúng ta tiến hành phân tích các yếu tố cấu thành nên lợi nhuận:

Doanh thu thuần: Phản ánh về khả năng tiêu thụ sản phẩm của công ty. Doanh thu thuần trong Quý 4 năm 2023 có xu hướng giảm so với Quý 3 năm 2023 có xu hướng giảm 2.848.915.451 tương ứng giảm 9.55%.

Giá vốn hàng bán: Biến động tương ứng với doanh thu thuần. Là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty. Giá vốn hàng bán trong Quý 4 tăng 144.729.431.487.

Chi phí quản lý kinh doanh: Có sự biến động trong Quý 4 tăng 34.836.684.925 so với Quý 3 năm 2023.

Lợi nhuận sau thuế: Trong Quý 4 năm 2023 lợi nhuận sau thuế của công ty giảm một cách đáng kể. Lợi nhuận trong Quý 4 giảm (117.760.797.873) so với Quý 3. Qua đó cho thấy tình hình kinh doanh của công ty đang gặp vấn đề cần đưa ra những giải pháp cụ thể để cải thiện tình hình kinh doanh của công ty.

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH

3.1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh.

3.1.1. Sự cần thiết

Nền kinh tế thị trường Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển khá mạnh mẽ, với nhiều hoạt động mô hình tổ chức đa dạng. Hơn thế, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế và khu vực. Vì vậy, kế toán được xem như là công cụ quản lý kinh tế quan trọng để doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện, phát triển tốt hơn.

Trong một công ty dịch vụ thương mại, quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ diễn ra thường xuyên và liên tục. Kế toán đóng vai trò rất quan trọng trong việc thu thập, trình bày, cung cấp và phân tích dữ liệu kế toán một cách kịp thời cho giám đốc và các đối tác.

Hoàn thiện hệ thống kế toán, làm cho công tác kế toán của công ty cung cấp kịp thời thông tin chính xác và đầy đủ cho doanh nghiệp. Dựa trên dữ liệu do các kế toán viên cung cấp, Ban Giám đốc sẽ có những chiến lược kinh doanh đúng đắn và giúp doanh nghiệp đạt được hiệu quả kinh doanh cao hơn trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay.

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện

+ Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Mặc dù đội ngũ kế toán của công ty có trình độ chuyên môn cao nhưng số lượng nhân viên vẫn còn thiếu, chưa được chuyên môn hóa và mỗi người phải đảm nhiệm nhiều phần hành chính khác (như kế toán tiền mặt và kế toán tiền gửi ngân hàng) nên có những phần hành kế toán chưa được chuẩn hóa. Do đó khi công ty công ty phát triển về quy mô, số lượng nghiệp vụ kinh tế tăng lên nhanh, nếu phòng kế toán không được bổ sung nhân sự kịp thời thì sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác kế toán, ảnh hưởng lớn đến công ty.

Công ty kinh doanh các loại sản phẩm thuộc lĩnh vực thiết bị công nghệ phục vụ không chỉ tiêu dùng mà còn cho cả văn phòng, trường học,...Kế toán bán hàng và thủ kho phải quản lý một hệ thống mã sản phẩm phức tạp, công tác kế toán đôi khi vẫn còn gặp nhiều sai sót không đáng có như: sai mã sản phẩm, đơn giá,...

+ Về công tác kế toán bán hàng tại công ty

Hiện tại doanh nghiệp đang dùng phần mềm MISA để làm việc, phần mềm có thể hỗ trợ tối đa cho việc bán hàng và theo dõi công nợ của kế toán, tuy nhiên phần mềm vẫn phải thường xuyên bảo trì nâng cấp hệ thống gây ra một số lỗi, chậm hoặc đứng máy trong quá trình truy xuất dữ liệu.

Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh là doanh nghiệp thương mại với nhiều loại hàng hóa khác nhau và có kho hàng nằm khá xa văn phòng giao dịch do đó việc luân chuyển chứng từ giữa Phòng Kế toán và Kho đôi khi bị chậm trễ làm cho quá trình bán hàng và hạch toán bị ảnh hưởng như: Việc lập P XK chuyển đến kho chậm khiến cho việc giao hàng bị chậm trễ, chuyển sang cho phòng kế toán chậm sẽ làm cho công tác hạch toán bị trì trệ theo,...

Công ty hầu như không có chính sách chiết khấu thương mại hay chiết khấu thanh toán cho khách hàng, kể cả khách hàng mua với số lượng lớn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trên thị trường như hiện nay.

3.1.3. Nhận xét về thực trạng kế toán bán hàng tại Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh.

❖ Ưu điểm

Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh là một doanh nghiệp thương mại, hoạt động chính của công ty là cung cấp sản phẩm và dịch vụ Công nghệ cho khách hàng với giá cả hợp lý, lợi nhuận mà công ty nhận được là phần chênh lệch giữa giá bán ra và giá mua vào của sản phẩm, dịch vụ. Vì vậy, doanh số bán ra càng nhiều thì lợi nhuận công ty càng nhiều. Chính vì vậy, kế toán bán hàng đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Đối với khâu tổ chức hạch toán ban đầu:

- Chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cơ sở pháp lý của nghiệp vụ.
- Các chứng từ được sử dụng theo mẫu được ban hành bởi Bộ Tài chính. Mọi thông tin, giao dịch kinh tế phát sinh đều được ghi nhận đầy đủ, chính xác vào sổ sách, phần mềm quản lý.
- Các chứng từ đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hoàn thiện và xử lý kịp thời.

Đối với công tác hạch toán tổng hợp:

- Công ty có kế hoạch phân phối và lưu trữ hệ thống hóa các loại tài liệu theo thời gian.
- Công ty cũng tuân thủ theo quy định về tài chính, kế toán do Bộ Tài chính ban hành. Để phù hợp với tình hình và đặc điểm kinh doanh công ty đã mở các tài khoản cấp 2, cấp 3 để thể hiện những thay đổi về tài sản trong công ty chi tiết, cụ thể hơn giúp cho việc xử lý kế toán trở nên dễ dàng và thuyết phục hơn, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán, tránh được các lỗi chồng chéo, trùng lặp trong công tác ghi chép kế toán.
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hợp lý vì Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh là công ty kinh doanh nhiều loại sản phẩm khác nhau, các hoạt động kinh tế phát sinh liên quan đến nhiều loại sản phẩm do đó không thể định kỳ mới kiểm tra, hạch toán được.

Ưu điểm lớn nhất trong phòng kế toán là các kế toán viên có thể phối hợp thường xuyên, liên tục với nhau tránh được những giao dịch xảy ra nhưng chưa được ghi nhận hoặc hạch toán sai. Sự phối hợp thường xuyên diễn ra giữa các kế toán viên và kế toán trưởng để đảm bảo chắc chắn, minh bạch.

Đối với hệ thống sổ sách: Công ty sử dụng cả hai loại sổ là sổ tổng hợp và sổ chi tiết để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Vì vậy mọi nghiệp vụ kinh tế được phản ánh đầy đủ và chi tiết

❖ **Nhược điểm**

Ngoài những kết quả mà công ty đạt được trong công tác tổ chức kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ thì bên cạnh đó cũng có những hạn chế mà công ty có thể cải tiến và hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn yêu cầu trong công tác quản lý của công ty.

Đội ngũ kế toán của công ty tuy có trình độ chuyên môn cao nhưng vẫn còn thiếu về số lượng, chưa được chuyên môn hóa và mỗi người phải đảm nhận nhiều phần hành khác nhau gây khó khăn cho việc chuẩn hóa kế toán và hoạt động kinh doanh khi số lượng nghiệp vụ ngày càng tăng lên do quy mô công ty mở rộng. Nếu phòng kế toán không được bổ sung nhân sự kịp thời thì sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác kế toán, ảnh hưởng lớn đến công ty.

Công ty kinh doanh rất nhiều loại sản phẩm thuộc lĩnh vực thiết bị công nghệ phục vụ không chỉ tiêu dùng mà còn cho văn phòng, trường học,... Kế toán và thủ kho phải

quản lý một hệ thống mã sản phẩm phức tạp, công tác kế toán đôi khi vẫn còn gặp nhiều sai sót không đáng có như: sai mã sản phẩm, đơn giá,...

3.2. Giải Pháp

3.2.1. Giải pháp về công tác tổ chức bộ máy kế toán

Trải qua quá trình thực tập và quan sát tại công ty, em có kiến nghị công ty nên:

Tổ chức bộ máy kế toán theo với cơ cấu quản lý của công ty, số lượng nhân viên cần thiết tùy thuộc vào khối lượng công việc kế toán của công ty để tránh trường hợp một người đảm nhiệm nhiều chức vụ, hạn chế khả năng xảy ra gian lận hoặc sai sót không đáng có.

3.2.2. Giải pháp về công tác kế toán bán hàng tại Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh

+ Luân chuyển chứng từ

Các giao dịch kinh tế xảy ra được ghi nhận theo thời gian, tất cả diễn biến hoạt động kinh tế xảy ra trong tháng được phản ánh trên sổ NKC làm căn cứ đối chiếu với sổ Cái.

Mọi chứng từ sau khi lập xong sẽ được đưa vào sổ chi tiết để có thể tổng hợp số liệu lên sổ Cái và đưa ra số liệu BCTC kịp thời. Giúp quản lý cũng như so sánh số liệu nhanh chóng, chính xác.

Vì vậy giữa các phòng ban cần lưu chuyển chứng từ thường xuyên, liên tục. Để giải quyết tình trạng này, công ty đặc biệt là phòng kế toán cần có kế hoạch luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, đảm bảo việc hạch toán chính xác, kịp thời. Đề xuất của em là có thể lắp đặt hệ thống máy Fax để việc luân chuyển chứng từ được nhanh chóng, thuận tiện và dễ dàng hơn.

+ Xây dựng chính sách bán hàng, chăm sóc khách hàng

Hiện nay thị trường tiêu thụ của công ty tương đối lớn, tuy nhiên để nâng cao hiệu quả và tăng lợi nhuận thì Công ty phải có những chính sách phù hợp đáp ứng nhu cầu thị trường.

Là công ty thương mại, khách hàng đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao lợi nhuận của công ty, vì vậy công ty cần quan tâm nhiều hơn tới khách hàng của mình như bổ sung các chương trình chăm sóc khách hàng, tri ân khuyến mãi,.. Đối với khách hàng quen thuộc công ty nên có những chính sách như: tăng tỷ lệ chiết khấu thương mại, công ty nên có chính sách giảm giá sản phẩm khi mua hàng với số lượng

lớn. Đối với khách hàng mới thì cần cởi mở, quan tâm và tư vấn cho họ những hàng hóa dịch vụ thích hợp, với mức giá ưu đãi,... tạo mối quan hệ gắn kết lâu dài.

+ Thiết lập mã hóa sản phẩm, nâng cấp phần mềm kế toán

Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh kinh doanh rất nhiều loại sản phẩm, dịch vụ vì vậy để kiểm soát tốt hơn về số lượng hàng hóa cần phân bổ mã hóa sản phẩm. Hiện nay có rất nhiều phần mềm, ứng dụng phục vụ cho kế toán được ra đời với nhiều tính năng hiện đại và tối ưu hơn. Việc áp dụng các phiên bản phần mềm kế toán mới vào quá trình hạch toán giúp giảm bớt gánh nặng công việc, tránh những sai sót, nhầm lẫn không đáng có xảy ra.

Ngoài việc đưa phần mềm kế toán vào sử dụng, Công ty cũng nên có kế hoạch đầu tư, đào tạo cho Kế toán viên tham gia các khóa học để nâng cao trình độ và nắm bắt kịp thời những thay đổi trong chế độ kế toán hiện hành.

KẾT LUẬN

Khi nền kinh tế ngày càng hội nhập, các doanh nghiệp phải đối mặt không ít những thách thức và khó khăn. Để có thể tồn tại và tiếp tục phát triển doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và đưa ra quyết định đúng đắn. Kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế tài chính ở doanh nghiệp cũng phải không ngừng thích ứng và hoàn thiện với tình hình mới. Vì vậy việc hoàn thiện hệ thống kế toán cũng như quy trình bán hàng là cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào.

Trong thời gian thực tập tại phòng kế toán của Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh, em đã tìm hiểu về thực trạng công tác kế toán bán hàng của công ty và nhận thấy được những điểm mạnh cũng như hạn chế trong công tác kế toán bán hàng.

Dựa trên sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tế công tác bán hàng tại Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh và những kiến thức của thầy cô tại trường Đại học Nguyễn Tất Thành được tiếp thu trong quá trình giảng dạy đã giúp em có góc nhìn sâu sắc hơn, thực tế hơn và củng cố lại kiến thức được học vào thực tế. Vì kiến thức của bản thân còn hạn hẹp nên bài báo cáo khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót, nhầm lẫn. Kính mong quý thầy cô bộ môn và các bạn đóng góp thêm ý kiến để bài báo cáo của em được hoàn thiện tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Quý thầy cô trong khoa Tài chính – Kế toán, đặc biệt là cô Lê Thị Cẩm Dung người đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ em trong quá trình hoàn thành bài báo cáo khóa luận tốt nghiệp này.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01 – Bảng kê hàng hóa, dịch vụ HĐ số 00000175

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH
Số 27/4 Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG KÊ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Ngày tháng năm

Số:

STT	Mã hàng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT	Ghi chú
1	DELL3660	Máy tính trạm Dell Precision 3660 Tower, i7-12700, 16GB, 256GB SSD, 1TB, DVDRW, T400 4GB, KB, M, 3x mDP to DP, 300W PSU, Ubuntu, 3Y WTY (tặng chuột)	Chiếc	2,00	30.930.900,00	61.861.800	10%	6.186.180	
2	CMCAT6	Cáp mạng UTP Cat 6	Cuộn	2,00	24.524.500,00	49.049.000	10%	4.904.900	
3	C1.5MM	Cáp âm thanh chống cháy 2x1.5mm2	Cuộn	15,00	6.056.050,00	90.840.750	10%	9.084.075	
4	CVCS18	Cáp điều khiển âm thanh VCS18	Cuộn	20,00	2.602.600,00	52.052.000	10%	5.205.200	
5	OLDD25	Ống luồn dây PVC D25mm	cây	1.000,00	22.756,00	22.756.000	10%	2.275.600	
6	DCD4.0	Dây cáp điện CV 4.0	Mét	5.000,00	9.660,00	48.300.000	10%	4.830.000	
7	CD1.5	Cáp điện CV 1.5	Mét	10.000,00	5.005,00	50.050.000	10%	5.005.000	
8	DCDD.5	Dây cáp điện CV 2.5	Mét	10.000,00	6.506,00	65.060.000	10%	6.506.000	
9	CACXV6	Cadivi CXV6	Mét	2.000,00	15.261,00	30.522.000	10%	3.052.200	
10	CADIVICV2.5	Dây cáp điện Cadivi CV 2.5	Mét	10.800,00	6.477,00	69.951.600	10%	6.995.160	
11	CV1.5	Cadivi CV1.5	Mét	19.200,00	3.972,00	76.262.400	10%	7.626.240	
12	ACBSP	Access Control Base Software Platform	Set	1,00	60.847.486,00	60.847.486	10%	6.084.749	
13	AM-3200-WF-1	Bộ chia sẻ dữ liệu tín hiệu trình chiếu HDMI không dây, đầu vào cổng HDMI và USB, trình chiếu không dây AirMedia, đầu ra HDMI cho màn hình, mã hàng AM-3200-WF-1, hiệu CRESTRON	Cái	1,00	22.100.918,00	22.100.918	10%	2.210.092	
14	BXL	Bộ xử lý trung tâm	Cái	1,00	83.090.638,00	83.090.638	10%	8.309.064	
15	CORE110F-V2-UK	Thiết bị điều khiển và chuyển đổi trình chiếu tín hiệu video và âm thanh có 128 kênh âm thanh kết nối qua cổng RJ45, hiệu QSC	Cái	1,00	71.905.455,00	71.905.455	10%	7.190.546	
16	CP4N	Bộ xử lý điều khiển và giám sát cho một thiết bị hiển thị, Mã hàng: CP4N, Hiệu CRESTRON, Hàng mới 100%	Cái	1,00	34.894.895,00	34.894.895	10%	3.489.490	
17	CVMS	Cloud VMS software	Set	1,00	77.200.173,00	77.200.173	10%	7.720.017	

MSA SHH

1/4

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH
Số 27/4 Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Mã hàng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT	Ghi chú
18	DM-NVX-360	Bộ mã hóa chuyển đổi tín hiệu HDMI (AV) sang IP, 24DVC, mã hàng: DM-NVX-360, hiệu CRESTRON	Cái	1,00	22.432.431,00	22.432.431	10%	2.243.243	
19	PHIDICHVU	Phí dịch vụ từ hãng	Lần	1,00	22.795.676,00	22.795.676	10%	2.279.568	
20	TF3//E	Bản trộn tín hiệu kỹ thuật số yamaha TF3//E	Cái	1,00	75.406.785,00	75.406.785	10%	7.540.679	
21	UC-MX70-T	Hệ thống xử lý trung tâm, bao gồm máy chủ xử lý dữ liệu mini chip IntelCore Processor, màn hình cảm ứng 7 inch, camera - soundbar và phụ kiện, dùng cho phòng hội nghị, Mã: UC-MX70-T, Hiệu CRESTRON, Mới 100%	Bộ	1,00	114.246.795,00	114.246.795	10%	11.424.680	
22	UPS10KVA-44.800	Bộ lưu điện UPS 10KVA kèm acquy gắn trong	Bộ	1,00	50.929.342,00	50.929.342	10%	5.092.934	
23	BASWAR04RW	Bộ Barrier cổng chắn tự động dạng cánh rộng bên phải, dùng kiểm soát ra vào trong tòa nhà, Mã hàng: ASW-AR-04-R Wide , mới	Bộ	2,00	52.337.108,00	104.674.216	10%	10.467.422	
24	HP-3YWTY_4N3U8AV	Máy tính để bàn HP Z2 Tower G9 Workstation, Core i5-12500,	Bộ	2,00	21.826.861,00	43.653.722	10%	4.365.372	
25	TSC-50-G3	Thiết bị điều khiển từ xa hệ thống âm thanh có màn hình cảm ứng, phương thức giao tiếp RJ-45, phù hợp sử dụng cho hệ thống điều khiển phân tán	Cái	2,00	25.808.651,00	51.617.302	10%	5.161.730	
26	UC-MX50-T	Hệ thống xử lý trung tâm, bao gồm máy chủ xử lý dữ liệu mini chip IntelCore Processor, màn hình cảm ứng 7 inch, camera - soundbar và phụ kiện, dùng cho phòng hội nghị, Mã: UC-MX50-T, Hiệu CRESTRON, Mới 100%	Bộ	2,00	102.311.627,00	204.623.254	10%	20.462.325	
27	GS2220-28	Thiết bị chuyển mạch Zyxel GS2220-28	Bộ	3,00	13.188.274,00	39.564.822	10%	3.956.482	
28	ODU2FTN5	ODU-2F-6F-TN5 Công suất: 96kW (Capacity: 96kW)	Bộ	3,00	250.250.000,00	750.750.000	10%	75.075.000	
29	XP-Q801L	Máy in hoá đơn XP-Q801L	Bộ	3,00	13.823.679,00	41.471.037	10%	4.147.104	
30	AD-S10T-WH	Loa gắn tường màu trắng, công suất 250 watts / 45 volts (rms), dải tần số 50 19kHz, kích thước 516 x 318 x 298 mm, mã hàng AD-S10T-WH, Hiệu QSC, Mới 100%	Cái	4,00	15.056.745,00	60.226.980	10%	6.022.697	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH
Số 27/4 Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Mã hàng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT	Ghi chú
31	1440	VIP SYSTEM FLOOR SHUNT (Bộ chuyển mạch mạng 1 cổng vào, 1 cổng ra tốc độ truyền 10/100 Mb và 4 cổng chuyển hướng tốc độ 10Mb, không có chức năng thu phát sóng và mật mã dân sự, hãng sx: Comelit, mã hàng 1440)	Cái	30,00	1.173.671,00	35.210.130	10%	3.521.013	
32	KHOÁDT-01	Khoá điện tử	Bộ	50,00	2.256.920,00	112.846.000	10%	11.284.600	
33	MT5	Bình chữa cháy Dragon khí CO2 5kg	Bình	85,00	900.900,00	76.576.500	10%	7.657.650	
34	VCCAUI54PVB3	Cáp mạng VIVANCO CAT5e, PVC, 305m/cuộn	Thùng	100,00	1.286.520,00	128.652.000	10%	12.865.200	
35	VCCAUI644PVB3	Cáp mạng vi tính VIVANCO, 4 đôi, CAT6 4 pair U/UTP Cable (305m/ Cuộn, Unshielded, PVC, BLUE) 24AWG VCCAUI644PVB3	Cuộn	155,00	4.161.395,00	645.016.225	10%	64.501.622	
36	EMERGENCY5W2H	Đèn Led downlight khẩn cấp 5W, pin dự phòng 02 giờ (Led downlight Emergency 5W, battery back up of 02 hours)	Set	578,00	886.589,00	512.448.442	10%	51.244.844	
37	CACXV6	Cadivi CXV6	Mét	2.116,00	29.671,00	62.783.836	10%	6.278.384	
38	CVV2Cx1.5-300/500V	Cáp Cadivi 2Cx1.5mm2 -300/500V	Mét	3.000,00	17.002,00	51.006.000	10%	5.100.600	
39	GPCK-ME4000P	Giá treo máy chiếu Grandview model: GPCK-ME4000P	Chiếc	6,00	31.269.762,00	187.618.572	10%	18.761.856	
40	XP-SNET5	Bộ điều khiển cửa tối đa 5 cửa XP-SNET 5	Cái	11,00	20.053.014,00	220.583.154	10%	22.058.315	
41	TL-EM112	Động cơ hành trình tự động chuyên dụng giành cho đóng mở rèm sân khấu mã hàng TL-EM112	Bộ	15,00	31.714.049,00	475.710.735	10%	47.571.074	
		Cộng				5.057.589.071		505.758.907	

Phụ lục 03 – Giấy báo có

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH
Số 27/4 Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: Công ty TNHH VIVANCO Việt Nam		Số: NTTK02311		
Địa chỉ: 27/4 Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Hồ Chí Minh		Ngày: 20/12/2023		
Lý do: Vivanco thanh toán hoá đơn 8		Tài khoản: 11213		
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 0017100171002468				
Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Phương Đông (Việt Nam) - Chi nhánh				
Số tiền: 5.563.347.978		Loại tiền: VND		
Số tiền bằng chữ: <i>Năm tỷ, năm trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi bảy ngàn, chín trăm bảy mươi tám đồng.</i>				
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Vivanco thanh toán hoá đơn 175	5.563.347.978	5.563.347.978	11213	1311

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

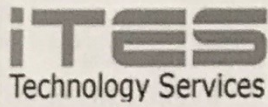
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Phụ lục 04 – Hóa đơn GTGT số 00000175



**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Ngày 08 tháng 11 năm 2023

Ký hiệu: 1C23TTM
Số: 00000175

Mã QCT cấp: 00F5E24C7A4AFA421CACF592A9278FFC04

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH**
Mã số thuế: 0313014995
Địa chỉ: Số 3/6 Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (028) 3883 2324
Số tài khoản: 112.112.000.2468 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – MB Chi Nhánh 3 tháng 2

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH VIVANCO VIỆT NAM
Mã số thuế: 0315626665
Địa chỉ: 27/4 Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Hồ Chí Minh
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Máy tính trạm Dell Precision 3660 Tower, i7-12700, 16GB, 256GB SSD, 1TB, DVDRW, T400 4GB, KB, M, 3x mDP to DP, 300W PSU, Ubuntu, 3Y WTY (tặng chuột)	Chiếc	2,00	30.930.900,00	61.861.800
2	Cáp mạng UTP Cat 6	Cuộn	2,00	24.524.500,00	49.049.000
3	Cáp âm thanh chống cháy 2x1.5mm2	Cuộn	15,00	6.056.050,00	90.840.750
4	Cáp điều khiển âm thanh VCS18	Cuộn	20,00	2.602.600,00	52.052.000
5	Ống luồn dây PVC D25mm	cây	1.000,00	22.756,00	22.756.000
6	Dây cáp điện CV 4.0	Mét	5.000,00	9.660,00	48.300.000
7	Cáp điện CV 1.5	Mét	10.000,00	5.005,00	50.050.000
8	Dây cáp điện CV 2.5	Mét	10.000,00	6.506,00	65.060.000
9	Cadivi CXV6	Mét	2.000,00	15.261,00	30.522.000
10	Dây cáp điện Cadivi CV 2.5	Mét	10.800,00	6.477,00	69.951.600
11	Cadivi CV1.5	Mét	19.200,00	3.972,00	76.262.400
12	Access Control Base Software Platform	Set	1,00	60.847.486,00	60.847.486
13	Bộ chia sẽ dữ liệu tín hiệu trình chiếu HDMI không dây, đầu vào cổng HDMI và USB, trình chiếu không dây AirMedia, đầu ra HDMI cho màn hình, mã hàng AM-3200-WF-1, hiệu CRESTRON	Cái	1,00	22.100.918,00	22.100.918
14	Bộ xử lý trung tâm	Cái	1,00	83.090.638,00	83.090.638
15	Thiết bị điều khiển và chuyển đổi trình chiếu tín hiệu video và âm thanh có 128 kênh âm thanh kết nối qua cổng RJ45, hiệu QSC	Cái	1,00	71.905.455,00	71.905.455
16	Bộ xử lý điều khiển và giám sát cho một thiết bị hiển thị, Mã hàng: CP4N, Hiệu CRESTRON, Hàng mới 100%	Cái	1,00	34.894.895,00	34.894.895
17	Cloud VMS software	Set	1,00	77.200.173,00	77.200.173
18	Bộ mã hóa chuyển đổi tín hiệu HDMI (AV) sang IP, 24DVC, mã hàng: DM-NVX-360, hiệu CRESTRON	Cái	1,00	22.432.431,00	22.432.431

Mã tra cứu hóa đơn: G6T_H9ZK1EW
Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

1/4

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150



Tiếp theo trang trước - trang 3/4

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Ngày 08 tháng 11 năm 2023

Ký hiệu: 1C23TTM
Số: 00000175

Mã QQT cấp: 00F5E24C7A4AFA421CACF592A9278FFC04

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH**
Mã số thuế: 0313014995
Địa chỉ: Số 3/6 Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (028) 3883 2324
Số tài khoản: 112.112.000.2468 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – MB Chi nhánh 3 tháng 2

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH VIVANCO VIỆT NAM
Mã số thuế: 0315626665
Địa chỉ: 27/4 Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Hồ Chí Minh
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
31	VIP SYSTEM FLOOR SHUNT (Bộ chuyển mạch mạng 1 cổng vào, 1 cổng ra tốc độ truyền 10/100 Mb và 4 cổng chuyển hướng tốc độ 10Mb, không có chức năng thu phát sóng và mật mã dân sự, hãng sx: Comelit, mã hàng 1440)	Cái	30,00	1.173.671,00	35.210.130
32	Khoá điện từ	Bộ	50,00	2.256.920,00	112.846.000
33	Bình chữa cháy Dragon khí CO2 5kg	Bình	85,00	900.900,00	76.576.500
34	Cáp mạng VIVANCO CAT5e, PVC, 305m/cuộn	Thùng	100,00	1.286.520,00	128.652.000
35	Cáp mạng vi tính VIVANCO, 4 đôi, CAT6 4 pair U/UTP Cable (305m/ Cuộn, Unshielded, PVC, BLUE) 24AWG VCCAUI644PVB3	Cuộn	155,00	4.161.395,00	645.016.225
36	Đèn Led downlight khẩn cấp 5W, pin dự phòng 02 giờ (Led downlight Emergency 5W, battery back up of 02 hours)	Set	578,00	886.589,00	512.448.442
37	Cadivi CXV6	Mét	2.116,00	29.671,00	62.783.836
38	Cáp Cadivi 2Cx1.5mm2 -300/500V	Mét	3.000,00	17.002,00	51.006.000
39	Giá treo máy chiếu Grandview model: GPCK-ME4000 P	Chiếc	6,00	31.269.762,00	187.618.572
40	Bộ điều khiển cửa tối đa 5 cửa XP-SNET 5	Cái	11,00	20.053.014,00	220.583.154
41	Động cơ hành trình tự động chuyên dụng giành cho đóng mở rèm sân khấu mã hàng TL-EMI12	Bộ	15,00	31.714.049,00	475.710.735

Mã tra cứu hóa đơn: G6T_H9ZK1EW
Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

3/4

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Phụ lục số 05- Phiếu xuất kho HD số 00000175

Phụ lục 06 – Sổ nhật ký chung

Phụ lục 07- Sổ chi tiết tài khoản 131

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Ma đơn tính
SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN											
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản 131; Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 31/12/2023											
Số dư đầu kỳ					131					0	
8/11/2023	8/11/2023	BH02059	00000175	Bán hàng CÔNG TY TNHH VIVANCO	131	5111	5,057,589,071	0	5,057,589,071	0	
8/11/2023	8/11/2023	BH02059	00000175	Bán hàng CÔNG TY TNHH VIVANCO	131	33311	505,758,907	0	5,563,347,978	0	
16/11/2023	16/11/2023	NTTK02245	00000175	Thanh toán đợt 1 lần 1 theo hợp đồng số 20221	131	11217	0		5,563,347,978	0	
17/11/2023	17/11/2023	NTTK02256	00000175	VIVANCO thanh toán hóa đơn 175	131	11213	0	1,100,000,000	4,463,347,978	0	
17/11/2023	17/11/2023	NTTK02257	00000175	VIVANCO thanh toán hóa đơn 175	131	11213	0	1,050,000,000	3,413,347,978	0	
20/11/2023	20/11/2023	NTTK02259	00000175	VIVANCO thanh toán hóa đơn 175	131	11213	0	1,100,000,000	2,303,347,978	0	
20/11/2023	20/11/2023	NTTK02260	00000175	VIVANCO thanh toán hóa đơn 175	131	11213	0	1,500,000,000	803,347,978	0	

20	TF3/E	Bàn tròn tín hiệu kỹ thuật số yamaha TF3/E	Cái
21	UC-MX70-T	Hệ thống xử lý trung tâm, bao gồm máy chủ xử lý dữ liệu mini chip IntelCore Processor, màn hình cảm ứng 7 inch, camera - soundbar và phụ kiện, dùng cho phòng hội nghị, Mã: UC-MX70-T, Hiệu CRESTRON, Mới 100%	Bộ
22	UPS10KVA-44.800	Bộ lưu điện UPS 10KVA kèm acquy gắn trong	Bộ
23	BASWARD4RW	Bộ Barrier cổng chắn tự động dạng cánh rộng bên phải, dùng kiểm soát ra vào trong tòa nhà. Mã hàng: ASW-AR-04-R Wide , mới	Bộ
24	HP-3YWTY_4N3U8AV	Máy tính để bàn HP Z2 Tower G9 Workstation, Core i5-12500,	Bộ
25	TSC-50-G3	Thiết bị điều khiển từ xa hệ thống âm thanh có màn hình cảm ứng, phương thức giao tiếp RJ-45, phù hợp sử dụng cho hệ thống điều khiển phân tán	Cái
26	UC-MX50-T	Hệ thống xử lý trung tâm, bao gồm máy chủ xử lý dữ liệu mini chip IntelCore Processor, màn hình cảm ứng 7 inch, camera - soundbar và phụ kiện, dùng cho phòng hội nghị, Mã:	Bộ

39	GPCK-ME4000P	Giá treo máy chiếu Grandview model: GPCK-ME4000P	Chiếc
40	XP-SNET5	Bộ điều khiển cửa tối đa 5 cửa XP-SNET 5	Cái
41	TL-EM112	Động cơ hành trình tự động chuyên dụng giành cho đóng mở rèm sân khấu mã hàng TL-EM112	Bộ

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Phụ lục 08- Sổ chi tiết tài khoản 156

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN												
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 156; Tháng 11 năm 2023												
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Mã đối tượng	Tên
				Số dư đầu kỳ	156				29,707,038,582	0		
08/11/2023	08/11/2023	MH02206	00000021	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THUONG MAI	156	3311	5,083,940,880	0	34,770,979,462	0		
29/11/2023	29/11/2023	MH02203	105922929930	The Fill More Đà Nẵng- Đơn hàng nhập khẩu k	156	3311	86,904,020	0	34,857,883,482	0		
30/11/2023	30/11/2023	PXKHD132		Xuất hàng nhập khẩu Mariron cho dự án The	156	6211	0	75,569,331	34,782,314,131	0		
30/11/2023	30/11/2023	PXKHD160		Xuất vật tư cho dự án Đốc Lết	156	6211	0	378,671,250	34,403,442,881	0		
				Cộng	156		5,150,844,900	454,440,581				
				Số dư cuối kỳ	156				34,403,442,881	0		
Số dòng = 7							5,150,844,900	454,440,581				
				Thuế VAT 10%								

Phụ lục 09 – Sổ chi tiết tài khoản 632

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN												
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản 6321; Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 31/12/2023												
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Mã đối tượng	Tên
14/12/2023	14/12/2023	PXKHD133	00000175	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VIVANCO	6321	1561	5,063,940,880	0		0		
31/12/2023	31/01/2024	KC202487	00000175	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023	6321	9111	0	5,063,940,880	0			
				Cộng	6321		5,063,940,880	5,063,940,880				
				Số dư cuối kỳ	6321				0	0		

Phụ lục 10 – Sổ chi tiết tài khoản 511

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN											
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản 5111; Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 31/12/2023											
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Mã đối tượng
8/12/2023	8/12/2023	BH02059	00000175	Bán hàng CÔNG TY TNHH VIVANCO	5111	1311	0	5,057,589,071	0	5,057,589,071	
31/12/2023	31/01/2024	KC202487	00000175	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023	5111	9111	5,057,589,071	0	0	0	
				Cộng	5111		5,057,589,071	5,057,589,071			
				Số dư cuối kỳ	5111				0	0	
							5,057,589,071	5,057,589,071			

Phụ lục 11 – Sổ chi tiết tài khoản 112

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN											
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 112; Tháng 11 năm 2023											
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Mã đối tượng
17/11/2023	17/11/2023	NTTK02256		Vivanco thanh toán hoá đơn 175	112	1311	1,100,000,000	0	1,388,335,033	0	
17/11/2023	17/11/2023	NTTK02257		Vivanco thanh toán hoá đơn 175	112	1311	1,050,000,000	0	2,438,335,033	0	
20/11/2023	20/11/2023	NTTK02259		Vivanco thanh toán hoá đơn 175	112	1311	1,110,000,000	0	1,919,989,972	0	
20/11/2023	20/11/2023	NTTK02260		Vivanco thanh toán hoá đơn 175	112	1311	1,500,000,000	0	3,419,989,972	0	
21/11/2023	21/11/2023	NTTK02261		Vivanco thanh toán hoá đơn 175	112	1311	803,347,978	0	4,007,955,264	0	

Phụ lục 12 – Bảng kê hàng hóa, dịch vụ bán ra

AutoSave ON | BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA (MẪU QUẢN TRỊ) | Saved to this PC | Sign in

File Home Insert Page Layout Formulas Data Review View Automate Help | Comments | Share

Clipboard | Font | Alignment | Number | Styles | Cells | Editing | Analysis | Add-ins

A1 | X ✓ f_x | BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA (MẪU QUẢN TRỊ)

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA (MẪU QUẢN TRỊ)									
Tháng 11 năm 2023									
Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế GTGT	Thuế suất	Thuế GTGT	Tổng cộng	Dự
Nhóm IHĐV : 4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10% (9)					6,045,523,284		593,690,474	6,639,213,758.00	
00000174	01/11/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI CÔNG	0315781050	Đầu giắc mạng vi tính - VIVANCO CAT 6 - V	9,000,000	8%	720,000	9,720,000.00	
00000175	08/11/2023	CÔNG TY TNHH VIVANCO VIỆT NAM	0315626665	ODU-2F*6F-TN5 Công suất: 96KW (Capacity)	5,057,589,071	10%	505,758,907	5,563,347,978.00	
00000176	13/11/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI CÔNG	0315781050	Bộ màn hình chuông của Panasonic	2,183,224	10%	218,322	2,401,546.00	
00000177	13/11/2023	CÔNG TY TNHH MINH LONG	3500404951	Thi công hệ thống cơ điện (Kèm theo bảng n	184,008,726	8%	14,720,698	198,729,424.00	
00000178	23/11/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI CÔNG	0315781050	Cáp mạng VIVANCO Cat6 U/UTP Patch Cord	400,000	10%	40,000	440,000.00	
00000179	23/11/2023	CÔNG TY TNHH MINH LONG	3500404951	Thi công hệ thống cơ điện (Kèm theo bảng n	195,137,530	8%	15,611,002	210,748,532.00	
00000180	23/11/2023	CÔNG TY TNHH MINH LONG	3500404951	Thi công hệ thống cơ điện (Kèm theo bảng n	276,048,947	10%	27,604,895	303,653,842.00	
00000181	24/11/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ TRANG - ĐÀ	5801254012	Khối lượng hoàn thành đợt 1 Dự án Trung tá	154,946,412	8%	12,395,713	167,342,125.00	
00000182	24/11/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ TRANG - ĐÀ	5801254012	Khối lượng hoàn thành đợt 1 Dự án Trung tá	166,209,374	10%	16,620,937	182,830,311.00	
Số dòng = 9					6,045,523,284		593,690,474	6,639,213,758.00	

Báo cáo

Ready | Accessibility: Good to go | 90%

Phụ lục 13 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4- 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ THÔNG MINH

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Quý 4 Năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		32.694.499.241	29.963.530.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			90.946.363
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		32.694.499.241	29.845.583.790
4. Giá vốn hàng bán	11		144.729.431.487	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(112.034.932.246)	29.845.583.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		670.021	
7. Chi phí tài chính	22		569.262.988	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25		34.836.684.925	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26			
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(147.440.210.138)	29.845.583.790
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		68.001.136	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(68.001.136)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(147.508.211.274)	29.845.583.790
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		98.170.389	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	60		(147.606.381.663)	29.845.583.790
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Số chứng chỉ hành nghề;
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán

PHỤ LỤC

1. Phụ lục 01 – Bảng kê hàng hóa, dịch vụ HĐ 00000175
2. Phụ lục 02 – Hợp đồng kinh tế
3. Phụ lục 03 – Giấy báo có
4. Phụ lục 04 – Hóa đơn GTGT số 00000175
5. Phụ lục 05 – Phiếu xuất kho
6. Phụ lục 06 – Sổ Nhật ký chung
7. Phụ lục 07– Sổ chi tiết tài khoản 131
8. Phụ lục 08 – Sổ chi tiết tài khoản 156
9. Phụ lục 09 – Sổ chi tiết tài khoản 632
10. Phụ lục 10 – Sổ chi tiết tài khoản 511
11. Phụ lục 11 – Sổ chi tiết tài khoản 112
12. Phụ lục 12 – Bảng kê hàng hóa, dịch vụ bán ra
13. Phụ lục 13 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2023
- 14.**

MỤC LỤC THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2014), Chế độ kế toán doanh nghiệp Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, NXB Tài Chính
2. Nguyễn Văn Công (2006), *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, NXB Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.
3. Ngô Thị Thu Thùy (2014), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
4. Một số trang web tham khảo: tapchiketoan.com, nghiepvuketoan.vn,...
5. Tài liệu Phòng Tài Chính – Kế toán của Công ty cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Thông Minh
6. Thông tin về công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thông Minh – ITES: [0313014995 - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH - MaSoThue](#)

